

- 151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
 Số bằng: 2Q 351 bm Quyết định số: 1039/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977

- 152 Liệt sĩ: **HÒA VĂN HẠN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: TR 407 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1977

- 153 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: 4AA 906 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

- 154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÔNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1970
 Số bằng: 9N 879 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

- 155 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HUỀ**
 Ấp đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 2T 957 km Quyết định số: 700/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978

- 156 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ NGỌC ANH**
 Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: Au 869 cm Quyết định số: 351/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

- 157 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THƠ**
 Đảng viên Đảng Cộng sản, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 2P 431 km Quyết định số: 461/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978

- 158 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỬ**
 Đảng viên Đảng Cộng sản, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1953
 Số bằng: 2S 758 bp Quyết định số: 630/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

- 159 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1954
 Số bằng: TR 545 bp Quyết định số: 52/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1977

- 160 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỬY**
 Huyện đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 5S 693 bm Quyết định số: 670/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1978

- 161 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ THẠCH**
Cán bộ phụ nữ, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 6N 506 cm Quyết định số: 87/CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1984
- 162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÙI**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1957
Số bằng: 3K 169 cm Quyết định số: 1105/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 163 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1967
Số bằng: CD 391 km Quyết định số: 78/CTKT ngày 26 tháng 4 năm 1989
- 164 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HUI**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1959
Số bằng: ĐC 795 cm Quyết định số: 841/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1996
- 165 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐEN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 7Y 644 bm Quyết định số: 224/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 166 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 8Z 884 bm Quyết định số: 839/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 167 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Huyện đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 7T 228 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 168 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂM**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 2U 027 km Quyết định số: 630/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 169 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AK 799 bm Quyết định số: 398/CTKT ngày 21 tháng 11 năm 1984
- 170 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LUÔNG**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 2O 702 km Quyết định số: 436/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

- 171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: Đm 512 km Quyết định số: 459/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 172 Liệt sĩ: **VÕ MINH LUÂN**
Cán bộ Ty Công an, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 3N 736 cm Quyết định số: 05/CTKT ngày 8 tháng 1 năm 1982
- 173 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐEN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7G 754 bm Quyết định số: 1388/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 174 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NUÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1961
Số bằng: TR 498 bm Quyết định số: 51/TTGa ngày 22 tháng 1 năm 1977
- 175 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 3R 773 bm Quyết định số: 1042/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 7V 947 bm Quyết định số: 167/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 177 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LỘ**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1964
Số bằng: X 437 cm Quyết định số: 27/CTKT ngày 8 tháng 2 năm 1984
- 178 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1964
Số bằng: 3I 194 cm Quyết định số: 1092/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SOI**
Cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973
Số bằng: SM 310 cm Quyết định số: 582/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 180 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LỪNG**
Phó Ban Chấp hành Phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1963
Số bằng: AG 931 cm Quyết định số: 316/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984

- 181 Liệt sĩ: **LÊ THÁI GIÁM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
 Số bằng: 6D 631 bm Quyết định số: 1070/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 182 Liệt sĩ: **PHẠM SON HÒA**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
 Số bằng: 6D 631 bm Quyết định số: 1092/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 183 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHOÀI**
 Tổ Đảng cơ sở ấp Hòa, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1956
 Số bằng: 1Z 271 cm Quyết định số: 1671/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 184 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT CÚC**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: YR 472 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 185 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC HUẤN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Tiến, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: LE 679 bm Quyết định số: 120/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1974
- 186 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐƯỜNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: ĐH 180 km Quyết định số: 279/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1997
- 187 Liệt sĩ: **TÔ VĂN THÂN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 2E 352 bm Quyết định số: 1137/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUYỀN**
 Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1964
 Số bằng: CM 143 km Quyết định số: 52/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1977
- 189 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HÓN**
 Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1961
 Số bằng: 3I 717 cm Quyết định số: 1086/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 190 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ MỚI**
 Chi ủy viên chi bộ xã, Nguyên quán: xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1965
 Số bằng: 3S 562 cm Quyết định số: 1483/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

- 191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÓM**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thanh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 1H 168 km Quyết định số: 1227/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 192 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN HÀ**
Đội viên Công an xã, Nguyên quán: xã Thanh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2G 308 cm Quyết định số: 215/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 193 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 1988
Số bằng: CD 738 bt Quyết định số: 156/CTKT ngày 6 tháng 9 năm 1990
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Hà, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7Y 690 bt Quyết định số: 224/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 195 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DŨNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 2G 176 km Quyết định số: 215/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 196 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÉ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Hòa, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 1 năm 1948
Số bằng: QC 603 bp Quyết định số: 1150/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 197 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN BÉ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1974
Số bằng: KM 735 km Quyết định số: 582/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 198 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHOÁNH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thoại Sơn, huyện Huệ Đức, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1948
Số bằng: QC 182 kp Quyết định số: 167/TTga ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 199 Liệt sĩ: **HỒ VĂN PHẢI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Hòa, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1964
Số bằng: 3I 822 km Quyết định số: 1374/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 6C 084 bm Quyết định số: 1238/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978

- 201 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÁN**
 Thường trực Đảng ủy ban xây dựng 67, Bộ GTVT, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: EM 064 cm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 202 Liệt sĩ: **PHAN CHÂU TRƯỞNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1983
 Số bằng: AG 950 bt Quyết định số: 316/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1983
- 203 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HÙNG**
 Cán bộ An ninh huyện, Nguyên quán: xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 1A 039 cm Quyết định số: 836/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1977
- 204 Liệt sĩ: **TRẦN THẤT SƠN**
 Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Đông Thái, huyện huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: 1P 569 kp Quyết định số: 2060/TTGa ngày 04 tháng 7 năm 1977
- 205 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG TƯỜNG**
 Cán bộ Quân báo, Nguyên quán: thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1949
 Số bằng: EU 767 bp Quyết định số: 1042/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Yên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: 2Q 367 bm Quyết định số: 1039/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 207 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁN ĐỨC**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: AL 422 bm Quyết định số: 77/TTGa ngày 02 tháng 4 năm 1971
- 208 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỆP**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Kiên Lương, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 6DR 028bm Quyết định số: 1079/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1979
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌ**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1970
 Số bằng: 2U 002 km Quyết định số: 630/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 210 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHÊN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1960
 Số bằng: 1M 347 km Quyết định số: 1307/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1977

- 211 **Liệt sĩ: ĐƯƠNG VĂN CƯỜNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CY 133 km Quyết định số: 294/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1991
- 212 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN MẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1961
Số bằng: 2T 990 km Quyết định số: 700/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978
- 213 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN BÍP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 1R 225 km Quyết định số: 1448/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 214 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1970
Số bằng: N 026 km Quyết định số: 246/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1983
- 215 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ THI**
Tổ trưởng giao liên, Nguyên quán: xã: Bình An huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1971
Số bằng: CO 815 cm Quyết định số: 01/CTKT ngày 2 tháng 1 năm 1991
- 216 **Liệt sĩ: TRẦN THANH VỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1962
Số bằng: CO 614 bm Quyết định số: 33/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 217 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TƯỜNG**
Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 2M 200 cm Quyết định số: 283/TTga ngày 04 tháng 12 năm 1982
- 218 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH YẾT**
Trưởng đoàn thanh niên cứu quốc, Nguyên quán: xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 5 năm 1951
Số bằng: EC 809 cp Quyết định số: 1065/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 219 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHOẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6R 061 bm Quyết định số: 1079/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 220 **Liệt sĩ: LÊ VĂN NHIỀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Lập, huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1964
Số bằng: CY 119 km Quyết định số: 294/CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1991

- 221 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THANH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: DH 296 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1993
- 222 Liệt sĩ: **DANH MAL**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1963
 Số bằng: DH 552 cm Quyết định số: 191/TTg ngày 20 tháng 4 năm 1993
- 223 Liệt sĩ: **DƯƠNG THỊ TRÚC**
 Trưởng ban binh vận, Nguyên quán: xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: 3I 208 cm Quyết định số: 1092/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 224 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MẠNH**
 Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: 3U 475 cm Quyết định số: 173/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1979
- 225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
 Trưởng ban cán sự ấp 3 xã Vĩnh Hòa Hưng, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: X 459 cm Quyết định số: 27/CTKT ngày 6 tháng 4 năm 1971
- 226 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÔNG**
 Giao liên ấp, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: DH 488 cm Quyết định số: 191/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1993
- 227 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HOÀNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: 1M 229 bm Quyết định số: 775/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 228 Liệt sĩ: **PHAN THỊ CÚC**
 Cứu thương huyện, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: XM 977 cm Quyết định số: 775/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 229 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THẠCH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1970
 Số bằng: BO 618 bm Quyết định số: 239/CTKT ngày 2 tháng 10 năm 1987
- 230 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THUẬN**
 Trưởng ban chấp hành nông dân, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: CD 416 cm Quyết định số: 78/CTKT ngày 26 tháng 4 năm 1989

- 231 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHÂN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1970
 Số bằng: 4X 702 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1978
- 232 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỮ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1962
 Số bằng: 8U 841 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1979
- 233 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN VINH**
 Tổ trưởng cơ yếu văn phòng tỉnh ủy, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1962
 Số bằng: YM 039 cm Quyết định số: 810/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 234 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KHƯƠNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: Q 572 cm Quyết định số: 230/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 235 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MƯỜI**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1957
 Số bằng: 2Q 703 km Quyết định số: 436/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 236 Liệt sĩ: **TẠ VĂN LIÊM**
 Đảng viên Đảng Lao động, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 1D 997 cm Quyết định số: 953/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 237 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỐT**
 Ấp đội phó, Nguyên quán: xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1966
 Số bằng: CO 667 km Quyết định số: 33/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 238 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐEN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: 3D 056 km Quyết định số: 1092/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 239 Liệt sĩ: **LÝ VĂN XUYỀN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1973
 Số bằng: 2R 750 bm Quyết định số: 1410/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 240 Liệt sĩ: **LÝ QUỐC VIỆT**
 Nhân viên ban tuyên huấn tỉnh, Nguyên quán: xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
 Số bằng: 3I 213 cm Quyết định số: 1092/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978

- 241 Liệt sĩ: **THỊ NGUYỆT**
Hội trưởng Ban chấp hành Phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1962
Số bằng: CO 836 cm Quyết định số: 01/CTKT ngày 2 tháng 1 năm 1991
- 242 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 2X 018 bm Quyết định số: 1420/TTga ngày 02 tháng 3 năm 1979
- 243 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỜI**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 2Q 689 km Quyết định số: 436/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 244 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 2O 683 km Quyết định số: 436/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THẮNG**
Cán bộ Ty Công an, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1Z 275 cm Quyết định số: 1671/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 246 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHĨA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Mỹ, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 4U 216 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1970
- 247 Liệt sĩ: **LÝ VĂN LỰC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1Y 656 bm Quyết định số: 1015/TTga ngày 16 tháng 9 năm 1977
- 248 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỬ**
Đảng viên Đảng Cộng sản, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 2S 758 cm Quyết định số: 630/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
-

TỈNH HƯNG YÊN

- 1 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HÀM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1979
Số bằng: HB 726bmQuyết định số: 81/TTGa ngày 7 tháng 3 năm 1972
- 2 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THÌN**
Tự vệ thị xã Hưng Yên, Nguyên quán: Minh Khai, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 3 năm 1947
Số bằng: XH 384 kp Quyết định số: 105/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1960
- 3 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1976
Số bằng: GN 303bmQuyết định số: 316/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1973
- 4 Liệt sĩ: **ĐOÀN QUANG BÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XQ 1,125 bp Quyết định số: 209/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 5 Liệt sĩ: **PHẠM TRẦN NINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XR 273 bp Quyết định số: 396/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 6 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1949
Số bằng: XQ 873 bp Quyết định số: 176/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 7 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU TRƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GH 177bmQuyết định số: 274/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1973
- 8 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰ**
Nhân viên, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 140 cm Quyết định số: 01/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 9 Liệt sĩ: **HOÀNG MẠNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Quang Trung, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GE 881 bmQuyết định số: 318/TTGa ngày 7 tháng 5 năm 1973
- 10 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Lam Sơn, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RY 959bmQuyết định số: 384/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1976

- 11 **Liệt sĩ: ĐỖ XUÂN TRƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QG 326bmQuyết định số: 500/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1975
- 12 **Liệt sĩ: VŨ VĂN THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZC 153 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1975
- 13 **Liệt sĩ: NHỮ DUY HÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: GG 323bmQuyết định số: 1111/TTga ngày 7 tháng 10 năm 2003
- 14 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DĨ (DỠ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 9 năm 1948
Số bằng: ZC 133 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 15 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1947
Số bằng: XT 066 bp Quyết định số: 242/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 16 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1954
Số bằng: SA 522 bmQuyết định số: 382/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 17 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1954
Số bằng: GG 244 bp Quyết định số: 1111/TTga ngày 7 tháng 10 năm 2003
- 18 **Liệt sĩ: DƯƠNG ĐỨC ĐIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XO 3,249 bp Quyết định số: 2007/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 19 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG TRUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1971
Số bằng: KQ 488 bmQuyết định số: 24/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974
- 20 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1970
Số bằng: SA 522 bmQuyết định số: 382/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1976

- 21 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1967
Số bằng: MT 940bmQuyết định số: 310/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970
- 22 **Liệt sĩ: PHẠM QUANG VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1971
Số bằng: GA 361 bmQuyết định số: 291/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1973
- 23 **Liệt sĩ: TRẦN QUANG TUYẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1971
Số bằng: SA 518bmQuyết định số: 382/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 24 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY HỢP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1971
Số bằng: SA 620 bmQuyết định số: 382/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 25 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QN 607 bmQuyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976
- 26 **Liệt sĩ: VŨ XUÂN NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GH 261bmQuyết định số: 274/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1973
- 27 **Liệt sĩ: MAI THANH ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970
Số bằng: SA 912 bmQuyết định số: 237/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1971
- 28 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: OI 038 bmQuyết định số: 590/TTga ngày 26 tháng 11 năm 1974
- 29 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU TIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VI 251bmQuyết định số: 242/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 30 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐÁP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1950

Số bằng: ZB 713 kp Quyết định số: 130/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1959

- 31 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 3 năm 1953
Số bằng: EC 117 bp Quyết định số: 112/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 32 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN DIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1967
Số bằng: NS 026 bm Quyết định số: 421/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 33 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THA**
Công an xã, Nguyên quán: xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XA 1,771 cp Quyết định số: 424/TTG ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 34 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN KHOÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 599 bm Quyết định số: 309/TTG ngày 6 tháng 8 năm 1974
- 35 Liệt sĩ: **CHU VĂN MÙI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QK 188 bm Quyết định số: 507/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1975
- 36 Liệt sĩ: **VŨ HỮU ĐỘ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1969
Số bằng: BK 117 bm Quyết định số: 35/TTGa ngày 1 tháng 7 năm 1972
- 37 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC VẠN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CB 626 bm Quyết định số: 190/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 38 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LB 825 bm Quyết định số: 364/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974
- 39 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HV 590bm Quyết định số: 524/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 40 Liệt sĩ: **CHU ĐÌNH TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1949

Số bằng: KT 923 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960

- 41 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XT 922 bp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 42 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GM 010bm Quyết định số: 301/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 43 Liệt sĩ: **ĐÀO TRUNG VĨNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1974
Số bằng: HA 578bm Quyết định số: 384/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1973
- 44 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC MÙI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SB 913bm Quyết định số: 392/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 45 Liệt sĩ: **CHU VĨNH HƯNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: PK 254bm Quyết định số: 319/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1975
- 46 Liệt sĩ: **ĐÀO VIỆT THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1970
Số bằng: UY 634bm Quyết định số: 256/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 47 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1953
Số bằng: OX 992 bp Quyết định số: 92/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 48 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1950
Số bằng: OX 991 bp Quyết định số: 92/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 49 Liệt sĩ: **CHU VĂN HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XT 822bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 50 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1948

Số bằng: BC 833 kp Quyết định số: 437/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972

- 51 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LQ 557bm Quyết định số: 193/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TRỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1948
Số bằng: XT 920 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 53 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XT 954 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1967
Số bằng: EX 957bm Quyết định số: 301/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ĐP 403 kp Quyết định số: 83/TTGa ngày 10 tháng 2 năm 1998
- 56 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968
Số bằng: ĐB 285bm Quyết định số: 414/TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1972
- 57 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC THỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XT 921 bp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 58 Liệt sĩ: **ĐÀO MẠNH HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NO 017bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974
- 59 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG PHÙNG**
Đạ đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1947
Số bằng: OX 997 bp Quyết định số: 92/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 60 Liệt sĩ: **HOÀNG HỒNG TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VM 880bm Quyết định số: 48/TTGa ngày 24 tháng 2 năm 1970

- 61 **Liệt sĩ: ĐÀO XUÂN HÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: GL 468bmQuyết định số: 416/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1973
- 62 **Liệt sĩ: PHẠM XUÂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 5 năm 1953
Số bằng: XT 866 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 63 **Liệt sĩ: ĐỖ KHẮC ĐỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XT 790 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU NHẠC**
Phó Chủ tịch, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 12 năm 1947
Số bằng: XC 252 cp Quyết định số: 46/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 65 **Liệt sĩ: ĐÀO MẠNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GL 511bmQuyết định số: 46/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1973
- 66 **Liệt sĩ: ĐỖ KHẮC AM**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1950
Số bằng: XC 258 cp Quyết định số: 92/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 67 **Liệt sĩ: ĐỖ KHẮC HỌC**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1950
Số bằng: XC 295 cp Quyết định số: 92/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1965
- 68 **Liệt sĩ: ĐÀO MẠNH THẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: BM 154bmQuyết định số: 139/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1967
- 69 **Liệt sĩ: ĐẶNG CAO THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LX 877bmQuyết định số: 357/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1974
- 70 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỒNG LÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1969
Số bằng: EX 808bmQuyết định số: 259/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1973

- 71 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC NHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EX 833bmQuyết định số: 259/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 72 Liệt sĩ: **VŨ MINH SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VM 712bmQuyết định số: 38/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1970
- 73 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC MỸ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XG 837 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 74 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC CHIỂU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XG 817 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 75 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ HUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1975
Số bằng: SA 402bmQuyết định số: 385/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚC SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1971
Số bằng: QY 402bmQuyết định số: 210/TTGa ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 77 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN VỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LB 815bmQuyết định số: 364/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974
- 78 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐB 310bmQuyết định số: 414/TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1972
- 79 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: OL 907bmQuyết định số: 69/TTGa ngày 25 tháng 2 năm 1975
- 80 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BENG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1965
Số bằng: CM 951bmQuyết định số: 63/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1968
- 81 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÁNG**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: CM 958bmQuyết định số: 63/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1968
- 82 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ LÁT**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XG 838 kp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 83 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÀN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1975
Số bằng: SB 782bmQuyết định số: 392/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 84 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BỂ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CN 901bmQuyết định số: 318/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1972
- 85 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CỪU**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1977
Số bằng: CE 156bmQuyết định số: 69/CTKT ngày 4 tháng 8 năm 1989
- 86 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1945
Số bằng: EC 932 bp Quyết định số: 437/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 87 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SD 447bmQuyết định số: 388/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 88 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG KHÔI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GL 460bmQuyết định số: 416/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1973
- 89 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỘ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: SA 416bmQuyết định số: 385/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 90 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THOẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: AK 645bmQuyết định số: 73/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1971
- 91 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CÁP**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh

Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: SA 394bmQuyết định số: 385/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1976

- 92 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ PHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1953
Số bằng: EC 945 bp Quyết định số: 437/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ ĐỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1953
Số bằng: EC 895bmQuyết định số: 437/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 94 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỮU HIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 069bmQuyết định số: 39/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1976
- 95 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KR 984bmQuyết định số: 80/TTGa ngày 2 tháng 3 năm 1974
- 96 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: KC 043 bp Quyết định số: 435/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 97 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TOÀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1971
Số bằng: GL 566bmQuyết định số: 416/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1973
- 98 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1950
Số bằng: XU 158 bp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 99 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: OM 059bmQuyết định số: 87/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1969
- 100 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐB 266bmQuyết định số: 414/TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1972
- 101 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973

Số bằng: NĐ 996bmQuyết định số: 456/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

102 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG XÂM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1974

Số bằng: RG 082bmQuyết định số: 223/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

103 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN MỠ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1973

Số bằng: SB 911bmQuyết định số: 392/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1976

104 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VINH**

Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1953

Số bằng: XG 875 kp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

105 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CẦU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949

Số bằng: ĐC 340 kp Quyết định số: 40/TTga ngày 28 tháng 1 năm 1975

106 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGƯ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 6 năm 1949

Số bằng: XG 856 kp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

107 Liệt sĩ: **PHAN VĂN QUỲNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1971

Số bằng: CB 821bmQuyết định số: 166/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1974

108 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẬN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1966

Số bằng: PH 113bmQuyết định số: 242/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1975

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍNH NỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967

Số bằng: RL 442bmQuyết định số: 293/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

110 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÀ**

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1972

Số bằng: LQ 195bmQuyết định số: 167/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

111 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LIÊU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968

Số bằng: VB 433bmQuyết định số: 258/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

- 112 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHẾP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: RG 505bmQuyết định số: 215/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976
- 113 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CẤP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: EC 877 bp Quyết định số: 437/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 114 Liệt sĩ: **PHAN THANH KỶ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7V 310bmQuyết định số: 137/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979
- 115 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GE 295bmQuyết định số: 272/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1973
- 116 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC BẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GL 403bmQuyết định số: 416/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1973
- 117 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THIẾT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1973
Số bằng: RG 526bmQuyết định số: 215/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976
- 118 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ DĂNG (DUNG)**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1972
Số bằng: ND 580bmQuyết định số: 411/TTga ngày 13 tháng 5 năm 1974
- 119 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1971
Số bằng: RI 383bmQuyết định số: 298/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 120 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CẠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GJ 503bmQuyết định số: 502/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 121 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐẮP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969
Số bằng: GJ 503bmQuyết định số: 502/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

- 122 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LAN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1949
Số bằng: XU 419 bp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 123 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÁC**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1950
Số bằng: XG 871 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 124 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỎ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1950
Số bằng: XG 843 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 125 Liệt sĩ: **LÊ THỊ THÌN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XCT 870 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 126 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TOÁN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ED 151bm Quyết định số: 116/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1973
- 127 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1965
Số bằng: MA 230bm Quyết định số: 37/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1970
- 128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1969
Số bằng: VB 771bm Quyết định số: 261/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 10 năm 1950
Số bằng: EC 868 bp Quyết định số: 437/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊM**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AU 850bm Quyết định số: 243/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 131 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: EX 820bm Quyết định số: 259/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1973

- 132 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951
Số bằng: XG 823 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951
Số bằng: XG 823 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XG 844 kp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 135 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THOẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NT 639bm Quyết định số: 451/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1974
- 136 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: VB 726bm Quyết định số: 261/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 137 Liệt sĩ: **TRINH VĂN KIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TP 064bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 22 tháng 2 năm 1977
- 138 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1972
Số bằng: SB 999bm Quyết định số: 392/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 139 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HỠ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XG 828 kp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 140 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH QUỲNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1965
Số bằng: NY 925bm Quyết định số: 594/TTGa ngày 2 tháng 12 năm 1974
- 141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÙNG**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1967
Số bằng: MA 838bm Quyết định số: 54/TTGa ngày 6 tháng 3 năm 1970
- 142 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AP 629bmQuyết định số: 163/TTGa ngày 6 tháng 7 năm 1971

- 143 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SIU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OT 757bmQuyết định số: 138/TTGa ngày 17 tháng 4 năm 1975
- 144 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1970
Số bằng: GU 317bmQuyết định số: 316/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1973
- 145 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LUÂN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8z 420bmQuyết định số: 400/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1976
- 146 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC TÚY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1973
Số bằng: SD 442bmQuyết định số: 338/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 147 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TỬ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1948
Số bằng: XT 096 bp Quyết định số: 424/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 148 Liệt sĩ: **ĐÀM TRỌNG NHẬP**
Dân công, Nguyên quán: xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 7 năm 1952
Số bằng: XA 157 cp Quyết định số: 396/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 149 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 6 năm 1954
Số bằng: XT 860 bp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 150 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968
Số bằng: GN 301bmQuyết định số: 316/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1973
- 151 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NL 029bmQuyết định số: 369/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974
- 152 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu,

tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MA 334 bm Quyết định số: 37/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1970

- 153 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY ĐÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967
Số bằng: GL 414bm Quyết định số: 416/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1973
- 154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1970
Số bằng: VB 873bm Quyết định số: 267/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 155 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PL 272bm Quyết định số: 319/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1975
- 156 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH PHỐ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1967
Số bằng: SD 530bm Quyết định số: 338/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 157 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1973
Số bằng: TS 092 bm Quyết định số: 113/TTGa ngày 4 tháng 3 năm 1977
- 158 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 6 năm 1954
Số bằng: XH 015 kp Quyết định số: 277/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 159 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẠCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1973
Số bằng: TS 211bm Quyết định số: 107/TTGa ngày 1 tháng 3 năm 1977
- 160 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HẢI**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1974
Số bằng: RK 013 bm Quyết định số: 262/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TE 297bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 162 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968

Số bằng: MA 239bm Quyết định số: 37/TTGa ngày 16 tháng 2 năm 1970

- 163 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: GJ 535bm Quyết định số: 502/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 164 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: MI 286bm Quyết định số: 125/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1970
- 165 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1967
Số bằng: TE 210bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 166 Liệt sĩ: **TƯỜNG THẾ XA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1986
Số bằng: SB 925bm Quyết định số: 392/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 167 Liệt sĩ: **ĐỖ BÁ LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1987
Số bằng: 7Z 365bm Quyết định số: 232/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 168 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH SƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1951
Số bằng: KC 021 bp Quyết định số: 435/TTGa ngày 10 tháng 2 năm 1972
- 169 Liệt sĩ: **PHAN DUY ĐÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1948
Số bằng: XL 800 bp Quyết định số: 518/TTGa ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 170 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH TĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OI 432bm Quyết định số: 627/TTGa ngày 17 tháng 12 năm 1974
- 171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SD 529bm Quyết định số: 388/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 172 Liệt sĩ: **PHAN QUANG XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1966

Số bằng: QA 111bmQuyết định số: 429/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1975

- 173 Liệt sĩ: **PHAN CHÍNH ỨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RL 154bmQuyết định số: 277/TTGa ngày 30 tháng 6 năm 1976
- 174 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1971
Số bằng: NB 995bmQuyết định số: 362/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1974
- 175 Liệt sĩ: **PHAN CHÍNH LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐB 295bmQuyết định số: 414/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1972
- 176 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC SOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SB 950bmQuyết định số: 392/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1976
- 177 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN VĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AP 698bmQuyết định số: 163/TTGa ngày 6 tháng 7 năm 1971
- 178 Liệt sĩ: **ĐÀO PHÚC CHÍ (TRÍ)**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EK 355bmQuyết định số: 131/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1973
- 179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: XG 874 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 180 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC TUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1969
Số bằng: CM 971bmQuyết định số: 63/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1968
- 181 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LẠC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1949
Số bằng: XT 872 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 182 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH TUÂN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PT 246bmQuyết định số: 389/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1975

- 183 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH NHUẾ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SD 523bmQuyết định số: 388/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 184 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH CĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1966
Số bằng: OM 397bmQuyết định số: 100/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1969
- 185 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BH 865bmQuyết định số: 81/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972
- 186 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGỌ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Kê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1975
Số bằng: RK 261bmQuyết định số: 291/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 187 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HS 077bmQuyết định số: 468/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 188 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC KHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LQ 399bmQuyết định số: 178/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974
- 189 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÍ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QN 593bmQuyết định số: 115/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976
- 190 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LD 940bmQuyết định số: 265/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 191 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1970
Số bằng: OI 545bmQuyết định số: 630/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974
- 192 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GH 140bmQuyết định số: 262/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

- 193 Liệt sĩ: **CHU VĂN PHÓNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: QE 271bmQuyết định số: 500/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1975
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VƯỢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1974
Số bằng: VK 217bmQuyết định số: 278/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 195 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: TG 982bmQuyết định số: 100/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1972
- 196 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BẮC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Số bằng: NĐ 518bmQuyết định số: 411/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1974
- 197 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1966
Số bằng: NK 427bmQuyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1974
- 198 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN VỊ**
Đại đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CB 627 km Quyết định số: 190/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 199 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HK 256bmQuyết định số: 403/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973
- 200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUY**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GB 271 bp Quyết định số: 235/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1973
- 201 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XQ 1,920 bp Quyết định số: 209/Ttg ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 202 Liệt sĩ: **CHU VĂN NHIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1968
Số bằng: VĐ 399bmQuyết định số: 251/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 203 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

- Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GE 028bmQuyết định số: 269/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1973
- 204 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XQ 894 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 205 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC NANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: VB 914bmQuyết định số: 267/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆU**
Phó chủ tịch Ủy ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XA 821 cp Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 207 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972
Số bằng: OT 811bmQuyết định số: 138/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1975
- 208 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG CỬ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OZ 082bmQuyết định số: 131/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 209 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THOM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974
Số bằng: RG 536bmQuyết định số: 215/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976
- 210 Liệt sĩ: **ĐỖ MẠNH KHÚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: ON 834bmQuyết định số: 417/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 211 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH XƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống thực dân Pháp năm 1968
Số bằng: AH 785bmQuyết định số: 131/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 212 Liệt sĩ: **PHAN CHÍNH THÁY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XT 840 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 213 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng

Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GL 404bm Quyết định số: 416/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1973

214 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NGỌC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LC 865bm Quyết định số: 364/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974

215 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÂN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 6 năm 1949
Số bằng: XG 862 kp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960

216 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TẬP**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XY 766 kp Quyết định số: 467/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1957

217 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HIỆN**

Giao Thông viên, Nguyên quán: xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1951
Số bằng: XA 1,901 cp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚC SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1971
Số bằng: QY 402bm Quyết định số: 210/TTGa ngày 28 tháng 5 năm 1976

219 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TUYẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NT 603bm Quyết định số: 451/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1974

220 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1953
Số bằng: XT 955 bp Quyết định số: 2/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960

221 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÀN**

Cán bộ địch vận huyện Ân Thi, Nguyên quán: xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 10 năm 1953
Số bằng: GG 547 cp Quyết định số: 1111/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 2003

222 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BẰNG**

Nhân viên công an, Nguyên quán: xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1953
Số bằng: AC 366 cp Quyết định số: 135/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1972

223 Liệt sĩ: **BÔ XUÂN ĐÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 8 năm 1952

Số bằng: LC 393 bp Quyết định số: 137/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1974

- 224 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SÀ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XC 641 kp Quyết định số: 209/Ttg ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 225 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1950
Số bằng: LC 568 bp Quyết định số: 227/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AP 629bm Quyết định số: 163/TTGa ngày 6 tháng 7 năm 1971
- 227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
Số bằng: NB 936bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974
- 228 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SƯỚNG**
Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XA 2,276 cp Quyết định số: 105/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1960
- 229 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ TÂM (TÂM)**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZB 1,243 kp Quyết định số: 209/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 230 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
Số bằng: RI 388bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 231 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẮT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 11 năm 1948
Số bằng: XQ 4,639 bp Quyết định số: 353/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1959
- 232 Liệt sĩ: **PHẠM DUY SANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OV 023bm Quyết định số: 72/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1975
- 233 Liệt sĩ: **ĐỖ CHÍ THANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: LT 311 bp Quyết định số: 225/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1974

234 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN THẬP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: BH 538 bp Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HÀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XQ 1,382 bp Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1959

236 Liệt sĩ: **ĐÀO THỊ THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Chiểu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MA 106bm Quyết định số: 16/Ttga ngày 15 tháng 1 năm 1970

TỈNH QUẢNG NGÃI

- 1 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÚA**
Liên lạc, Nguyên quán: xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1962
Số bằng: EO 686 cm Quyết định số: 756/TTga ngày 19 tháng 6 năm 2001
- 2 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỎ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2H 276 km Quyết định số: 138/TTga ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 3 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÂU**
Trung đội phó du kích xã, Nguyên quán: xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1969
Số bằng: DU 099 km Quyết định số: 1116/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1998
- 4 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỎ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EO 717 km Quyết định số: 756/TTga ngày 19 tháng 6 năm 2001
- 5 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HING**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1970
Số bằng: EO 723 km Quyết định số: 756/TTga ngày 19 tháng 6 năm 2001
- 6 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PÉP**
Dân công, Nguyên quán: xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 2G 575 cm Quyết định số: 202/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1978
- 7 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÒNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 5H 439 km Quyết định số: 424/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 8 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỮ**
Liên lạc, Nguyên quán: xã Ba Cung, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: EZ 691 cm Quyết định số: 977/TTga ngày 24 tháng 10 năm 2002
- 9 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 5H 348 km Quyết định số: 422/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 10 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ NHO**
Thường vụ huyện ủy, Nguyên quán: xã Ba Trung, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2B 641 cm Quyết định số: 241/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978

- 11 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN NGU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Điền, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 4H 729 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 02 tháng 02 năm 1978
- 12 **Liệt sĩ: NGUYỄN NHON**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6H 489 bm Quyết định số: 859/TTGa ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 13 **Liệt sĩ: VÕ VĂN AI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 4H 223 bm Quyết định số: 80/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 14 **Liệt sĩ: PHẠM LỢI**
Đội viên đội công tác, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 2B 941 cm Quyết định số: 157/TTGa ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 15 **Liệt sĩ: PHẠM GẮM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: 1V 784 bm Quyết định số: 961/TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 16 **Liệt sĩ: NGUYỄN TẶNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 1AA 017 bm Quyết định số: 786/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1980
- 17 **Liệt sĩ: DƯƠNG ĐÌNH NHỊ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1971
Số bằng: 1QM 092 km Quyết định số: 771/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 18 **Liệt sĩ: PHÙNG TÌNH (VÂN)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1974
Số bằng: 6H 503 bm Quyết định số: 859/TTGa ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 19 **Liệt sĩ: PHẠM THỊ HOA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1973
Số bằng: 1T 165 km Quyết định số: 1459/TTGa ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 20 **Liệt sĩ: LỘ NGỌC THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 01 năm 1953
Số bằng: 1OC 904bp Quyết định số: 1325/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978

•

*•

- 21 **Liệt sĩ: CÙ TIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1972
Số bằng: 1U 704 km Quyết định số: 1555/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977

- 22 **Liệt sĩ: BÙI BẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 7B 932 bm Quyết định số: 1351/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978

- 23 **Liệt sĩ: ĐÌNH CÔNG DỤNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐB 985 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972

- 24 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH HIỂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1970
Số bằng: YI 796 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

- 25 **Liệt sĩ: VÕ NHÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 6 năm 1946
Số bằng: 1QC 473bp Quyết định số: 1400/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

- 26 **Liệt sĩ: HÒ NGỌC SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Liên, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: PR 347 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

- 27 **Liệt sĩ: VÕ NHÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 6 năm 1946
Số bằng: 1QC 473bp Quyết định số: 1400/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

- 28 **Liệt sĩ: LÊ XU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 3G 564 bm Quyết định số: 1641/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1977

- 29 **Liệt sĩ: HUỖNH MAU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 3B 582 bm Quyết định số: 1440/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1977

- 30 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỬ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3G 565 bm Quyết định số: 1641/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1977

- 31 **Liệt sĩ: HUỖNH ĐOÀN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phở Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1945
Số bằng: PC 045 kp Quyết định số: 1260/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1978
- 32 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DŨNG**
Chính trị viên phó huyện đội, Nguyên quán: xã Phở Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1961
Số bằng: 4U 479 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1978
- 33 **Liệt sĩ: NGUYỄN MỰC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phở Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: RM 788 km Quyết định số: 921/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 34 **Liệt sĩ: VÕ THỊ LẠI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phở Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 4M 594 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 13 tháng 02 năm 1978
- 35 **Liệt sĩ: TRẦN NAM**
Giáo viên Ban lương thực, Nguyên quán: xã Phở Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YM 918 cm Quyết định số: 770/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 36 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CỨU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phở Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 1978
Số bằng: 9C 837 bt Quyết định số: 911/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 37 **Liệt sĩ: HUỖNH THỨC NHẢN**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phở Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 4N 035 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 38 **Liệt sĩ: PHẠM RÂN**
Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Phở Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EM 174 km Quyết định số: 435/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977
- 39 **Liệt sĩ: NGUYỄN BẠO**
Thợ máy nổ, Nguyên quán: Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953
Số bằng: P 808 bp Quyết định số: 333/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1983
- 40 **Liệt sĩ: LÊ LONG THẠCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 02 năm 1971
Số bằng: 5M 716 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

- 41 **Liệt sĩ: LÊ ĐỊNH**
Cán bộ kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 2O 802 cm Quyết định số: 370/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1978
- 42 **Liệt sĩ: TRẦN NGHÈ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2T 551 bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 43 **Liệt sĩ: CAO BA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 2X 802 bm Quyết định số: 1412/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 44 **Liệt sĩ: ĐẶNG NHỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 2A 843 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 28 tháng 1 năm 1981
- 45 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1967
Số bằng: EĐ 420 bm Quyết định số: 1143/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1999
- 46 **Liệt sĩ: NGUYỄN CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 2T 513 bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 47 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ RUỘNG**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1966
Số bằng: 1P 200 cm Quyết định số: 1413/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 48 **Liệt sĩ: LÊ TÂN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: QM 289 km Quyết định số: 812/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 49 **Liệt sĩ: HUỖNH GIẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1S 600 bm Quyết định số: 891/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 50 **Liệt sĩ: TRƯƠNG ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 1S 598 bm Quyết định số: 891/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

- 51 **Liệt sĩ: NGUYỄN THOM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 1S 175 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 52 **Liệt sĩ: TRƯƠNG HỘI**
Tổ trưởng Nông hội, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1963
Số bằng: EK 679 cm Quyết định số: 104 /TTg ngày 29 tháng 1 năm 2001
- 53 **Liệt sĩ: VÕ ĐỤNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 9U 939 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 54 **Liệt sĩ: DƯƠNG NE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6L 903 bm Quyết định số: 1060/TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 55 **Liệt sĩ: NGUYỄN HUỖNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1973
Số bằng: VM 270 km Quyết định số: 923/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 56 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 6K 623 bm Quyết định số: 1053/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1978
- 57 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHỤ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1971
Số bằng: RM 300 km Quyết định số: 908/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 58 **Liệt sĩ: NGUYỄN NÈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1947
Số bằng: LC 084 bp Quyết định số: 941/TTga ngày 25 tháng 8 năm 1978
- 59 **Liệt sĩ: NGUYỄN XIN**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: RM 018 km Quyết định số: 892/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 60 **Liệt sĩ: HUỖNH TÝ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1967
Số bằng: VM 887 km Quyết định số: 946/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

- 61 **Liệt sĩ: LÊ SÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 8G 385 bm Quyết định số: 329/TTGa ngày 12 tháng 5 năm 1979
- 62 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC KHÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1948
Số bằng: 2BC 143 bp Quyết định số: 51/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 63 **Liệt sĩ: HUỖNH THUÊ**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1959
Số bằng: 3Y 126 cm Quyết định số: 344/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ HẢO**
Tổ trưởng phụ nữ, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 1P 249 cm Quyết định số: 1413/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 65 **Liệt sĩ: LÊ THỊ THÂN**
Cán bộ phụ nữ xóm, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 1O 671 cm Quyết định số: 1358/TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977
- 66 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 1V 016 bm Quyết định số: 935/TTGa ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 67 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHÚT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 1E 495 km Quyết định số: 1108/TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 68 **Liệt sĩ: PHẠM ĐÌNH NHU**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 2N 319 km Quyết định số: 423/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 69 **Liệt sĩ: PHẠM CU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1973
Số bằng: 1Đ 317 km Quyết định số: 1092/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 70 **Liệt sĩ: LÊ QUANG MINH**
Trợ lý Quân nhu, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1971
Số bằng: 7Q 384 bm Quyết định số: 1475/TTGa ngày 25 tháng 12 năm 1978

- 71 **Liệt sĩ: VÕ THỊ DỪNG**
Phân hội trưởng phụ nữ, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1967
Số bằng: ĐT 775 cm Quyết định số: 854/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1998
- 72 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6L 686 bm Quyết định số: 980/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 73 **Liệt sĩ: BÙI THÍCH**
Xóm trưởng, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2P 141 cm Quyết định số: 390/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 74 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC DỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2E 063 bm Quyết định số: 1112/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 75 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THỨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 2M 586 km Quyết định số: 350/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1978
- 76 **Liệt sĩ: LÊ THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 2Q 994 bm Quyết định số: 1111/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 77 **Liệt sĩ: PHẠM SÁU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 2E 092 bm Quyết định số: 1112/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 78 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1E 868 km Quyết định số: 1112/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 79 **Liệt sĩ: NGÔ DÀN**
Cán bộ kinh tế thôn, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1K 919 cm Quyết định số: 1101/TTga ngày 31 tháng 10 năm 1977
- 80 **Liệt sĩ: PHẠM LẮC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1965
Số bằng: RM 827 km Quyết định số: 921/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

- 81 Liệt sĩ: **NGUYỄN LỰC**
 Công dân, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1964
 Số bằng: 1Đ 286 cm Quyết định số: 921/TTGa ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 82 Liệt sĩ: **VÕ QUỐC TRANG**
 Y tá, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 9 năm 1979
 Số bằng: 9U 784 ct Quyết định số: 598/TTGa ngày 05 tháng 9 năm 1980
- 83 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÍN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: 3AB 032bm Quyết định số: 265/CTKT ngày 22 tháng 9 năm 1982
- 84 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ SÁU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: 2B 792 bm Quyết định số: 1108/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 85 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚC**
 Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: 3Y 164 km Quyết định số: 711/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1980
- 86 Liệt sĩ: **NGUYỄN BẢY**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: 6K 496 bm Quyết định số: 993/TTGa ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 87 Liệt sĩ: **VÕ XÍ**
 Y tá, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1947
 Số bằng: 2BC 006bp Quyết định số: 903/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 88 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỪA**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: EB 380 cm Quyết định số: 675/TTg ngày 29 tháng 6 năm 1999
- 89 Liệt sĩ: **TRẦN RÊ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 7 năm 1983
 Số bằng: AY 802 bt Quyết định số: 459/CTKT ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 90 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤT**
 Dân công, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1971
 Số bằng: 1S 569 cm Quyết định số: 1722/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1977

- 91 **Liệt sĩ: LƯƠNG CÔNG RIẾP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 2N 427 km Quyết định số: 423/TTGa ngày 04 tháng 5 năm 1978

- 92 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1981
Số bằng: Z 409 bt Quyết định số: 80/CTKT ngày 28 tháng 3 năm 1984

- 93 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐƯA**
Xóm trưởng, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1966
Số bằng: 4O 706 cm Quyết định số: 1358/TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977

- 94 **Liệt sĩ: NGUYỄN KHƯƠNG**
Trưởng Ban cách mạng thôn, Nguyên quán: xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: RM 366 cm Quyết định số: 441/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977

- 95 **Liệt sĩ: BÙI MUỘN**
Đoàn viên Thanh niên xã, Nguyên quán: xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1964
Số bằng: TM 403 cm Quyết định số: 620/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1977

- 96 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG THỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1972
Số bằng: BI 723 cm Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 6 năm 1987

- 97 **Liệt sĩ: TRẦN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 1U 232 bm Quyết định số: 922/TTGa ngày 24 tháng 8 năm 1977

- 98 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 2U 554 bm Quyết định số: 1339/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1977

- 99 **Liệt sĩ: PHẠM ĐỨC NHÂN**
Huyện đoàn Thanh niên, Nguyên quán: xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: RM 177 cm Quyết định số: 502/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1977

- 100 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH ĐIỀU**
Quân giới, Nguyên quán: xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 2U 496 bm Quyết định số: 1339/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1977

101 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÚT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 1E 495 km Quyết định số: 1108/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977

102 Liệt sĩ: **NGUYỄN BẾ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6L 686 bm Quyết định số: 980/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978

103 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ THÚY**

Hội phó phụ nữ huyện, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
Số bằng: YM 753 cm Quyết định số: 785/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1977

104 Liệt sĩ: **THỐI THỊ CÚC**

Nhân viên ty giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UM 117 cm Quyết định số: 631/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

105 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VIỆT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VM 382 km Quyết định số: 945/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

106 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG ON**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 5L 909 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1978

107 Liệt sĩ: **NGÔ ĐAI**

Phó Ban giao vận xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2O 616 cm Quyết định số: 1358/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1977

108 Liệt sĩ: **TRẦN TỚI**

Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 1N 933 km Quyết định số: 1323/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1977

109 Liệt sĩ: **LÊ TOÀ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1953
Số bằng: 1OC 877bp Quyết định số: 1325/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

110 Liệt sĩ: **TRẦN TIỀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5M 389 bm Quyết định số: 505/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978

- 111 **Liệt sĩ: NGUYỄN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 2T 457 bm Quyết định số: 1359/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 112 **Liệt sĩ: LÊ NHU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1967
Số bằng: RM 409 km Quyết định số: 890/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 113 **Liệt sĩ: PHẠM NIỀM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1971
Số bằng: 1R 359 km Quyết định số: 1531/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 114 **Liệt sĩ: PHẠM VÀNG**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967
Số bằng: DC 061 cm Quyết định số: 59/CTKT ngày 18 tháng 04 năm 1992
- 115 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH TÂM**
Cán bộ Nông hội thôn, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1967
Số bằng: DM 273 cm Quyết định số: 139/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1994
- 116 **Liệt sĩ: NGUYỄN MẠN**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1N 779 km Quyết định số: 1322/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1977
- 117 **Liệt sĩ: TRẦN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 01 năm 1953
Số bằng: 1KC 202bp Quyết định số: 860/TTga ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 118 **Liệt sĩ: ĐINH VEN**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1N 884 km Quyết định số: 1323/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1977
- 119 **Liệt sĩ: ĐINH HÓA**
Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1959
Số bằng: 1T 701 cm Quyết định số: 1672/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 120 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN HẠ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 5M 865 bm Quyết định số: 479/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

- 121 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ GIÁT**
Chiến sĩ du kích , Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 01 năm 1961
Số bằng: 1T 126 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 122 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN GẠO**
Cán bộ xóm, Nguyên quán: xã Sơn Trung, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EZ 665 cm Quyết định số: 977/TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002
- 123 Liệt sĩ: **ĐINH LỄO**
Cán bộ bí mật, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1960
Số bằng: 1T 721 cm Quyết định số: 1672/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ SƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 5M 170 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 125 Liệt sĩ: **ĐINH RANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 5M 705 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 126 Liệt sĩ: **ĐINH THỐI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1974
Số bằng: 5N 121 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 127 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỐI**
Chiến sĩ du kích , Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
Số bằng: 1S 857 km Quyết định số: 1422/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 128 Liệt sĩ: **ĐINH ĐIN**
Chiến sĩ du kích , Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: 1T 065 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 129 Liệt sĩ: **ĐINH BAN**
Chiến sĩ du kích , Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 1T 095 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 130 Liệt sĩ: **ĐINH XANH**
Chiến sĩ du kích , Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 1T 092 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 131 Liệt sĩ: **ĐINH NHU**
Trung đội trưởng du kích , Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1973
Số bằng: 2T 132 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 132 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN RÁY**
Cán bộ bí mật, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1961
Số bằng: ĐT 685 cm Quyết định số: 854/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1998
- 133 Liệt sĩ: **ĐINH THÀNH**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1959
Số bằng: 4H 693 cm Quyết định số: 51/TTga ngày 16 tháng 01 năm 1980
- 134 Liệt sĩ: **PHẠM NÉP (NÂM)**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 4H 701 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1978
- 135 Liệt sĩ: **ĐINH UT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 5M 104 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 136 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TẾO**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3R 120 km Quyết định số: 556/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 137 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1959
Số bằng: 7G 106 bm Quyết định số: 1426/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 138 Liệt sĩ: **ĐINH IT**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 02 năm 1966
Số bằng: 1T 237 km Quyết định số: 1459/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 139 Liệt sĩ: **ĐINH MỚI**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5M 996 km Quyết định số: 506/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 140 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ HỖ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969
Số bằng: EL 143 km Quyết định số: 133/TTg ngày 11 tháng 02 năm 2001

- 141 Liệt sĩ: **TRẦN BẦY**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EL 282 km Quyết định số: 133/TTg ngày 11 tháng 02 năm 2001
- 142 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRIỂN**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1962
Số bằng: GV 687 km Quyết định số: 723/TTg ngày 25 tháng 7 năm 2005
- 143 Liệt sĩ: **ĐINH EO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: 3U 479 km Quyết định số: 51/TTga ngày 16 tháng 01 năm 1980
- 144 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BÓN**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1973
Số bằng: AY 642 km Quyết định số: 458/CTKT ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 145 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRÔI**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1974
Số bằng: 7Q 558 kt Quyết định số: 1490/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1978
- 146 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐÓ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1964
Số bằng: ER 823 km Quyết định số: 1301/TTg ngày 28 tháng 9 năm 2004
- 147 Liệt sĩ: **ĐINH CUỐC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1966
Số bằng: 6H 792 bm Quyết định số: 826/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 148 Liệt sĩ: **ĐINH HÀ DONG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 01 năm 1970
Số bằng: 6I 016 bm Quyết định số: 860/TTga ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 149 Liệt sĩ: **ĐINH DÒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 6H 806 bm Quyết định số: 826/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 150 Liệt sĩ: **ĐINH NHƯ' (NHÚ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1950
Số bằng: 1RC 630bm Quyết định số: 1412/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978

- 151 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN LĂNG**
Quân Y sĩ, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 6I 039 bm Quyết định số: 860/TTga ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 152 Liệt sĩ: **ĐINH NHIÊN**
Liên lạc, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1966
Số bằng: GV 765 cm Quyết định số: 723/TTg ngày 25 tháng 7 năm 2005
- 153 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BẦY**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1966
Số bằng: AY 721 km Quyết định số: 459/CTKT ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 154 Liệt sĩ: **ĐINH RÁCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 6H 959 bm Quyết định số: 826/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 155 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 6H 968 bm Quyết định số: 990/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 156 Liệt sĩ: **ĐINH NÚI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6H 908 bm Quyết định số: 990/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 157 Liệt sĩ: **ĐINH ĐÈO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 6H 829 bm Quyết định số: 826/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 158 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 6H 834 bm Quyết định số: 826/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 159 Liệt sĩ: **ĐINH PÀ RẾT**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 02 năm 1973
Số bằng: AY 652 km Quyết định số: 458/CTKT ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 160 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1972
Số bằng: BM 598 bm Quyết định số: 187/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

- 161 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ DANH**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1973
Số bằng: EL 140 km Quyết định số: 133/TTg ngày 11 tháng 02 năm 2001
- 162 Liệt sĩ: **ĐINH ĐIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 6 năm 1951
Số bằng: 7P 023 bp Quyết định số: 1396/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978
- 163 Liệt sĩ: **ĐINH THƠ**
Cán bộ hoạt động bí mật, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1959
Số bằng: BQ 402 cm Quyết định số: 89/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1988
- 164 Liệt sĩ: **ĐINH CHUI**
Liên lạc, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1959
Số bằng: 1T 726 cm Quyết định số: 1672/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977
- 165 Liệt sĩ: **ĐINH ĐÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 5M 205 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 166 Liệt sĩ: **ĐINH TÍA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 5M 396 bm Quyết định số: 505/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 167 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THEO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 5N 019 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 168 Liệt sĩ: **ĐINH TRÒN**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1968
Số bằng: 1T 071 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 169 Liệt sĩ: **ĐINH BÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 5N 002 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 170 Liệt sĩ: **ĐINH PA NUN**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1957
Số bằng: DY 320 cm Quyết định số: 153/TTg ngày 12 tháng 3 năm 1996

- 171 Liệt sĩ: **ĐINH MANG**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bảng: 20 404 km Quyết định số: 412/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1978
- 172 Liệt sĩ: **NGUYỄN GIỚI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1972
Số bảng: 21 549 km Quyết định số: 120/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 173 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh
Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1969
Số bảng: DC 942 km Quyết định số: 78/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 174 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ LUY**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1962
Số bảng: ĐZ 986 bm Quyết định số: 675/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1999
- 175 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng
Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1965
Số bảng: 6Z 595 bm Quyết định số: 1267/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1978
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN TOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng
Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1966
Số bảng: 5M 487 bm Quyết định số: 512/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 177 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng
Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968
Số bảng: 4U 577 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 06 tháng 4 năm 1978
- 178 Liệt sĩ: **BÙI TẤN TRUNG**
Dân công, Nguyên quán: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bảng: 2T 394 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1978
- 179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Chính trị viên thôn đội, Nguyên quán: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1974
Số bảng: EM 093 km Quyết định số: 433/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977
- 180 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC (MÓC)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh
Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1967
Số bảng: 7K 145 bm Quyết định số: 1501/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

- 181 Liệt sĩ: **LÝ VÀNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 2I 478 km Quyết định số: 120/TTGa ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 182 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÀO (CHUÔNG)**
Thủ kho lương thực, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 1R 932 cm Quyết định số: 1766/TTGa ngày 23 tháng 12 năm 1977
- 183 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1952. Số bằng: 1QC 360 bp Quyết định số: 1463/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1977
- 184 Liệt sĩ: **TRƯƠNG KHANH**
Trưởng Ban Vận động kinh tế xã, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1S 875 cm Quyết định số: 1439/TTGa ngày 04 tháng 11 năm 1977
- 185 Liệt sĩ: **MAIAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 1Q 805 km Quyết định số: 1426/TTGa ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 186 Liệt sĩ: **NGUYỄN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 12 năm 1980
Số bằng: M 170 bt Quyết định số: 197/CTKT ngày 06 tháng 01 năm 1983
- 187 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG TỎA**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1973.
Số bằng: 4U 713 bm Quyết định số: 274/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 188 Liệt sĩ: **VÕ THỚI**
Đội viên đội công tác thị trấn Sơn Tịnh, Nguyên quán: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1973
Số bằng: RM 395 cm Quyết định số: 441/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 189 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 6N 002 bm Quyết định số: 977/TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 190 Liệt sĩ: **TRẦN MINH TRỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 5H 315 bm Quyết định số: 422/TTGa ngày 04 tháng 5 năm 1978

- 191 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 2A 249 km Quyết định số: 217/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 192 Liệt sĩ: **ĐOÀN QUANG SUNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 4M 422 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 193 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 2AA 837 bt Quyết định số: 35/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1981
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUẾ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1974
Số bằng: 2M 429 km Quyết định số: 340/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1978
- 195 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9G 215 bt Quyết định số: 889/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 196 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÔNG**
Cán bộ nông hội, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1970
Số bằng: GV 839 cm Quyết định số: 723/TTg ngày 25 tháng 7 năm 2005
- 197 Liệt sĩ: **TẠ VĂN A**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 2I 402 km Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 198 Liệt sĩ: **MẠCH THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 5N 116 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 199 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGỌC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1972
Số bằng: DB 949 km Quyết định số: 78/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 200 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BX 458 km Quyết định số: 129/CTKT ngày 16 tháng 6 năm 1988

- 201 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ VÈ**
Tổ trưởng phụ nữ, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ED 467 cm Quyết định số: 1143/TTg ngày 08 tháng 12 năm 1999
- 202 Liệt sĩ: **NGUYỄN HIỂU**
Cán bộ thông tin, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 2K 546 cm Quyết định số: 139/TTga ngày 20 tháng 02 năm 1978
- 203 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH MINH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1974
Số bằng: BX 454 km Quyết định số: 129/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1988
- 204 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHỮ**
Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1972
Số bằng: 2I 365 cm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 205 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 5H 054 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1978
- 206 Liệt sĩ: **PHẠM ANH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2Q 414 km Quyết định số: 506/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 207 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SOẠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 7K 385 bm Quyết định số: 1489/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1978
- 208 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 7K 491 bm Quyết định số: 1414/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SƠN**
Y tá, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 4U 548 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1978
- 210 Liệt sĩ: **PHẠM GIAO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐO 328 km Quyết định số: 04/TTg ngày 05 tháng 01 năm 1998

- 211 Liệt sĩ: **HUỖNH LONG**
Tổ trưởng công binh, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 1Z 997 cm Quyết định số: 1023/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 212 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÔNG**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1973
Số bằng: 5H 155 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1978
- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHẢN**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1974
Số bằng: CU 787 km Quyết định số: 186/CTKT ngày 11 tháng 7 năm 1991
- 214 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHỊ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BQ 387 km Quyết định số: 89/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1988
- 215 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯỚC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 3I 565 km Quyết định số: 1352/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 216 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 4N 087 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Trung đội phó du kích xã, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 3E 583 km Quyết định số: 1153/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1978
- 218 Liệt sĩ: **NGUYỄN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 4L 190 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 219 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1Q 860 km Quyết định số: 1426/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 220 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGỌC**
Thường vụ nông hội huyện, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1971
Số bằng: 3Q 382 cm Quyết định số: 1467/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978

- 221 **Liệt sĩ: LÊ THÀNH LIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 1Q 831 km Quyết định số: 1426/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 222 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÓI**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 1R 779 km Quyết định số: 1473/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 223 **Liệt sĩ: NGUYỄN HIỆP**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: Y 757 km Quyết định số: 74/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1984
- 224 **Liệt sĩ: PHẠM MINH CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1968
Số bằng: A 692 bm Quyết định số: 280/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982
- 225 **Liệt sĩ: NGUYỄN ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 4P 745 bm Quyết định số: 107/TTga ngày 13 tháng 02 năm 1978
- 226 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 01 năm 1947
Số bằng: 1LC 397 bp Quyết định số: 981/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 227 **Liệt sĩ: LÂM QUANG CƯỜNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 1Q 850 km Quyết định số: 1426/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 228 **Liệt sĩ: LÊ CAO THIẾT**
Dân công đấu tranh chính trị, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 2K 668 cm Quyết định số: 216/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 229 **Liệt sĩ: LÝ VĂN LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 4L 163 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 230 **Liệt sĩ: NGUYỄN TÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1965
Số bằng: 1Q 835 km Quyết định số: 1426/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 231 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÒ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BM 594 bm Quyết định số: 187/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN LÊ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 1S 031 km Quyết định số: 1493/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1LC 512 bm Quyết định số: 975/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÒE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 6M 937 bm Quyết định số: 981/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 235 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHI**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1974
Số bằng: BĐ 460 bm Quyết định số: 299 CTKT ngày 05 tháng 11 năm 1986
- 236 Liệt sĩ: **LÊ CHỨC**
Chiến sĩ du kích xã, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: R 453 km Quyết định số: 1531/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 237 Liệt sĩ: **VÕ THỊ BIÊN**
Uy viên hợp pháp xã, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1969
Số bằng: ĐZ 877 cm Quyết định số: 675/TTg ngày 29 tháng 6 năm 1999
- 238 Liệt sĩ: **LÊ THỊ BIÊN**
Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: 3P 031 cm Quyết định số: 1378/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1978
- 239 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIỚI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 71 967 bm Quyết định số: 1431/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 240 Liệt sĩ: **VÕ XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 5M 542 bm Quyết định số: 512/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

- 241 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1973
Số bằng: 3I 732 bm Quyết định số: 1495/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 242 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 9A 698 bm Quyết định số: 822/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979
- 243 Liệt sĩ: **LÊ THOẢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 7E 918 bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 244 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TỬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 3I 740 bm Quyết định số: 1495/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN CẦU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 5 năm 1949
Số bằng: 1R 427 bp Quyết định số: 1443/TTga ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 246 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ HÁT**
Cơ sở, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: 4M 059 cm Quyết định số: 711/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 247 Liệt sĩ: **PHẠM A**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 5M 763 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 248 Liệt sĩ: **PHẠM NÔ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: 1E 107 km Quyết định số: 1093/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 249 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1950
Số bằng: 1PC 331 bm Quyết định số: 1385/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978
- 250 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ RÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969

Số bằng: 3Đ 541 bm Quyết định số: 1472/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977

- 251 Liệt sĩ: **TRẦN BÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 5M 776 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 252 Liệt sĩ: **ĐẶNG VINH**
Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 5N 602 cm Quyết định số: 312/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1981
- 253 Liệt sĩ: **PHẠM NHÂN (CẢN)**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 7G 224 bm Quyết định số: 1377/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1978
- 254 Liệt sĩ: **HUỖNH CỬA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 5N 986 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 255 Liệt sĩ: **HUỖNH KHÁNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1966 . Số bằng: 5N 986 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 256 Liệt sĩ: **LÊ THỊ LAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 3I 736 bm Quyết định số: 1495/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 257 Liệt sĩ: **VÕ CÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 5 năm 1951
Số bằng: 1RC 428bp Quyết định số: 1443/TTga ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 258 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 3I 799 bm Quyết định số: 1471/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 259 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1951
Số bằng: 1QC 118bp Quyết định số: 1431/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978

- 260 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cồn Giũ, thành phố Nha Trang, tỉnh Phú Khánh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1981
Số bằng: G 615 bt Quyết định số: 73/CTKT ngày 25 tháng 02 năm 1983
- 261 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỪA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 3I 830 bm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 262 Liệt sĩ: **TRƯƠNG PHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 3I 582 bm Quyết định số: 1544/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 263 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ QUYÊN**
Y tá du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 2Đ 409 km Quyết định số: 1805/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 264 Liệt sĩ: **VÕ GIA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 3I 822 bm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 265 Liệt sĩ: **TRƯƠNG LUYỆN**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1945
Số bằng: RC 287 kp Quyết định số: 879/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 266 Liệt sĩ: **HỨA VĂN THÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 7E 959 bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 267 Liệt sĩ: **PHẠM CHÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5M 614 bm Quyết định số: 512/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 268 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 5M 964 bm Quyết định số: 506/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 269 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯƠNG**
Công an huyện, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2L 160 cm Quyết định số: 264/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978

- 270 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRÂM**
 Quản lý, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1970
 Số bằng: 3I 833 cm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 271 Liệt sĩ: **LÊ THANH LONG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh
 Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: 9U 630 bm Quyết định số: 653/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1980
- 272 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi,
 tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1966
 Số bằng: 5O 001 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 273 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÁT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng
 Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm
 1965
 Số bằng: 5L 900 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 274 Liệt sĩ: **VÕ BA**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng
 Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm
 1969. Số bằng: 9A 647 bm Quyết định số: 781/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 275 Liệt sĩ: **NGUYỄN NẠY**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng
 Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4
 năm 1954
 Số bằng: 1QC 195bp Quyết định số: 1474/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 276 Liệt sĩ: **TRẦN LÚA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh
 Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1966
 Số bằng: 3Đ 549 bm Quyết định số: 1472/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 277 Liệt sĩ: **VÕ THỊ OI**
 Bí thư xã, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 3N 097 cm Quyết định số: 1287/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 278 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TÂM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng
 Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm
 1974
 Số bằng: 3I 808 bm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 279 Liệt sĩ: **VÕ THANH HỒNG**
 Bí thư Thanh niên xã, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 2E 165 cm Quyết định số: 1776/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

- 280 Liệt sĩ: **VÕ TỬ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 3Đ 550 bm Quyết định số: 1472/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 281 Liệt sĩ: **PHẠM CỐ**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2B 863 km Quyết định số: 1776/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 282 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3I 826 bm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 283 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÀO**
Trưởng Ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: 1T 018 cm Quyết định số: 1494/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 6M 550 bm Quyết định số: 1177/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 285 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TRI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 5O 070 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 286 Liệt sĩ: **VÕ THỜI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 7E 916 bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 287 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XIN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 5O 094 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 288 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHẠM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 3Đ 542 bm Quyết định số: 1472/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 289 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUANG KHUYÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3I 357 km Quyết định số: 822/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

- 290 Liệt sĩ: **TRẦN RÔ**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 3X 384 km Quyết định số: 680/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1980
- 291 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHIỆP**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 4K 956 cm Quyết định số: 556/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 292 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 7G 332 bm Quyết định số: 1377/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1978
- 293 Liệt sĩ: **VÕ ĐỆM**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 2Đ 408 km Quyết định số: 1805/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 294 Liệt sĩ: **VÕ CỘT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 3I 821 bm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 295 Liệt sĩ: **VÕ THỊ BƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 3Đ 556 bm Quyết định số: 1472/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 296 Liệt sĩ: **LÊ NƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 5O 044 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 297 Liệt sĩ: **LÊ TÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1967 . Số bằng: 5O 077 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 298 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BẢY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 804 bm Quyết định số: 1491/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 299 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ KHOÁN**
Cán bộ công tác huyện, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 02 năm 1969
Số bằng: 2O 732 cm Quyết định số: 370/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1978

- 300 Liệt sĩ: **TRẦN HOÀNG Y**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: 6K 043 bm Quyết định số: 871/TTga ngày 07 tháng 8 năm 1978
- 301 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƠ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: 2L 190 cm Quyết định số: 264/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 302 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÁN**
 Trưởng Ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1965
 Số bằng: 3Y 274 cm Quyết định số: 330/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1979
- 303 Liệt sĩ: **HUỖNH DẪN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1983
 Số bằng: AY 604 bm Quyết định số: 458/CTKT ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 304 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHANH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: 5O 038 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 305 Liệt sĩ: **LÊ CỘT**
 Công an huyện, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1973
 Số bằng: 2L 371 cm Quyết định số: 318/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 306 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẠT NHON**
 Dân cơ sở, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1964
 Số bằng: 3E 424 cm Quyết định số: 904/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 307 Liệt sĩ: **NGUYỄN NUÔI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: 5M 111 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 308 Liệt sĩ: **NGUYỄN XE**
 Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 2Đ 391 km Quyết định số: 1805/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 309 Liệt sĩ: **VÕ KHÁCH (SỸ)**
 Công an huyện, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: 2L 290 cm Quyết định số: 318/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

- 310 Liệt sĩ: **HÀ THỨC NGỌ**
 Ủy viên Ban cán sự Đảng, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1961
 Số bằng: EI 434 cm Quyết định số: 1198/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2000
- 311 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1969
 Số bằng: 6I 497 bm Quyết định số: 991/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 312 Liệt sĩ: **HỒ SANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1953
 Số bằng: 1QC 222bp Quyết định số: 1501/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 313 Liệt sĩ: **HỒ THANH TIỀN**
 Thanh niên xung phong, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1979
 Số bằng: 4L 199 ct Quyết định số: 633/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1980
- 314 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN VIỆT**
 Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: 2M 583 km Quyết định số: 350/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1978
- 315 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THO**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968. Số bằng: 9A 822 bm Quyết định số: 888/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 316 Liệt sĩ: **VÕ KÝ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1947
 Số bằng: 1QC 163bp Quyết định số: 1474/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 317 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 6Z 225 bm Quyết định số: 1252/TTga ngày 03 tháng 11 năm 1978
- 318 Liệt sĩ: **NGUYỄN DĨ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: TM 985 km Quyết định số: 867/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 319 Liệt sĩ: **TRẦN NINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1952

Số bằng: 1QC 194bp Quyết định số: 1474/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

320 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1954

Số bằng: 1QC 128bm Quyết định số: 1431/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔN(QUỐC VĨNH)**

Thường vụ Thị ủy Quảng Ngãi, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972

Số bằng: 2E 413 cm Quyết định số: 1778/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1977

322 Liệt sĩ: **BÙI NHẤT MỘT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1971

Số bằng: 1X 404 bm Quyết định số: 966/TTga ngày 05 tháng 9 năm 1977

323 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN AN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nguyễn Nghiêm, tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1979

Số bằng: 2AA 815 bt Quyết định số: 35/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1981

324 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ XUÂN BA**

Hội trưởng Hội phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1973

Số bằng: AT 382 cm Quyết định số: 329/CTKT ngày 28 tháng 8 năm 1985

325 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỘI (QUANG)**

Y tá Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966

Số bằng: 8G 110 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

326 Liệt sĩ: **PHẠM THẮNG**

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1966

Số bằng: 2B 865 cm Quyết định số: 174/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978

327 Liệt sĩ: **PHAN ĐIỀU**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1970

Số bằng: 1V 380 bm Quyết định số: 944/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

328 Liệt sĩ: **NGÔ MUỘI (LUYỆN)**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1969

Số bằng: 1S 093 bm Quyết định số: 889/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

- 329 **Liệt sĩ: LÊ DUÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 2Q 885 bm Quyết định số: 1111/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 330 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 2B 020 bm Quyết định số: 1099/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1977
- 331 **Liệt sĩ: LÝ ĐÀ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2H 300 km Quyết định số: 73/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 332 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN LANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 1U 682 bm Quyết định số: 936/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1978
- 333 **Liệt sĩ: VÕ VĂN TUYẾN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 7D 325 bm Quyết định số: 1352/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 334 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHUYỀN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1965
Số bằng: 6S 404 bm Quyết định số: 1108/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 335 **Liệt sĩ: VÕ ĐÌNH TÂN**
Đại đội phó Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 3E 870 cm Quyết định số: 978/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 336 **Liệt sĩ: CAO AI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1T 346 bm Quyết định số: 938/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 337 **Liệt sĩ: NGUYỄN DẶN**
Chiến sĩ đội công tác xã, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 1S 788 cm Quyết định số: 1439/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1977
- 338 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÁU**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 6S 522 bm Quyết định số: 1141/TTga ngày 06 tháng 10 năm 1978

- 339 **Liệt sĩ: VÕ VĂN HUỆ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: 1Q 627 bm Quyết định số: 864/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1977
- 340 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ THUẬN**
 Y tá đội du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: 2Z 415 km Quyết định số: 990/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 341 **Liệt sĩ: VÕ NGỌC SƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: 1T 370 bm Quyết định số: 938/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 342 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỌ**
 Xã đội trưởng xã, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: 3I 184 cm Quyết định số: 1430/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 343 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN NHỊ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 9C 787 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 05 tháng 01 năm 1980
- 344 **Liệt sĩ: ĐINH KÝ**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1945
 Số bằng: BQ 451 kp Quyết định số: 42/CTKT ngày 09 tháng 3 năm 1988
- 345 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC THUẬN**
 Y tá, Nguyên quán: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
 Số bằng: 3Đ 575 bm Quyết định số: 1472/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 346 **Liệt sĩ: TỪ HÙNG**
 Đội viên đội công tác, Nguyên quán: xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: 2B 789 cm Quyết định số: 202/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1978
- 347 **Liệt sĩ: NGÔ TẤN TIỀN**
 Đội viên đội công tác, Nguyên quán: xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1965
 Số bằng: 4H 034 cm Quyết định số: 131/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 348 **Liệt sĩ: HUỖNH TỊNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: 6S 537 bm Quyết định số: 1141/TTga ngày 06 tháng 10 năm 1978

- 349 **Liệt sĩ: NGUYỄN RẰNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 01 năm 1972
Số bằng: 5M 704 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 350 **Liệt sĩ: ĐINH THIÊN THỪA**
Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 5N 108 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 06 tháng 7 năm 1981
- 351 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRUNG**
Y tá du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1971
Số bằng: 1Đ 541 km Quyết định số: 1091/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 352 **Liệt sĩ: VÕ THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Q 718 bm Quyết định số: 865/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1977
- 353 **Liệt sĩ: PHAN NHÁNH**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1S 897 km Quyết định số: 1422/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 354 **Liệt sĩ: LÊ XIN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 7 năm 1951
Số bằng: 1PC 393 bp Quyết định số: 1377/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1978
- 355 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 01 năm 1989
Số bằng: CN 375 bt Quyết định số: 355/CTKT ngày 18 tháng 12 năm 1990
- 356 **Liệt sĩ: MAI CHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1951
Số bằng: 1QC 113bp Quyết định số: 1431/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 357 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HAI**
Giáo viên, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 4E 456 cm Quyết định số: 781/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 358 **Liệt sĩ: LÊ HOÀNG**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 3Y 112 km Quyết định số: 736/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

- 359 Liệt sĩ: **CAO QUYÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 5M 728 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 360 Liệt sĩ: **LÊ ĐỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 5L 998 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 361 Liệt sĩ: **LÊ ĐƯỢC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 7 năm 1951
Số bằng: 1QC 125bp Quyết định số: 1431/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 362 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIỮ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 7I 966 bm Quyết định số: 1431/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 363 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ VÂN**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1T 036 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 364 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9G 096 bm Quyết định số: 903/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 365 Liệt sĩ: **LÊ KHÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1966. Số bằng: 1Q 702 bm Quyết định số: 865/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1977
- 366 Liệt sĩ: **VÕ XÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 3I 585 bm Quyết định số: 1544/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 367 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH XUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1963. Số bằng: 5Q 091 bm Quyết định số: 560/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 368 Liệt sĩ: **LÊ ĐÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1952

Số bằng: 1QC 141bp Quyết định số: 1431/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1978

369 Liệt sĩ: **LÊ TƯỜNG**

Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1964

Số bằng: ĐA 866 cm Quyết định số: 459/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1996

370 Liệt sĩ: **ĐỖ NÊN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969

Số bằng: 1T 038 km Quyết định số: 1504/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977

371 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÁM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952

Số bằng: 1PC 283 bp Quyết định số: 1426/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1978

372 Liệt sĩ: **ĐINH THIÊN BAN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1969

Số bằng: 1S 947 km Quyết định số: 1491/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1977

373 Liệt sĩ: **ĐẶNG TẤN VINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1953

Số bằng: 1PC 384 bp Quyết định số: 1377/TTGa ngày 06 tháng 12 năm 1978

374 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ MƯỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1969

Số bằng: 1Q 675 bm Quyết định số: 864/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1977

375 Liệt sĩ: **BÙI TÁ LƯƠNG**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1948

Số bằng: 1PC 557 bp Quyết định số: 1394/TTGa ngày 08 tháng 12 năm 1978

376 Liệt sĩ: **BÙI THANH HÙNG**

Đội trưởng đội công tác, Nguyên quán: xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966

Số bằng: 3G 593 cm Quyết định số: 941/TTGa ngày 25 tháng 8 năm 1978

377 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGUÊ**

Cơ sở xã, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1964

Số bằng: YM 509 cm Quyết định số: 774/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1977

- 378 Liệt sĩ: **HUỖNH SUM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 8G 369 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1979
- 379 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1973
Số bằng: Q1 970 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 380 Liệt sĩ: **NGUYỄN SUNG**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1957
Số bằng: 4M 859 cm Quyết định số: 102/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1981
- 381 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG**
Hội trưởng Hội cứu tế đỏ, Nguyên quán: xã Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 10 tháng 02 năm 1931
Số bằng: Y 727 cp Quyết định số: 74/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1984
- 382 Liệt sĩ: **TRẦN LONG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AY 657 km Quyết định số: 458/CTKT ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 383 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẾ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 7K 467 bm Quyết định số: 1414/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1978
- 384 Liệt sĩ: **VÕ ĐỨC LÂM**
Đội trưởng đội công tác, Nguyên quán: xã Ký Bích, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: RM 178 cm Quyết định số: 492/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1977
- 385 Liệt sĩ: **NGUYỄN LUÂN**
Phó Ban Tuyên huấn, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3Y 637 cm Quyết định số: 355/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1979
- 386 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1961
Số bằng: 1U 705 bm Quyết định số: 936/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1978
- 387 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6S 548 bm Quyết định số: 1141/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1978

- 388 Liệt sĩ: **LÝ MINH TÂM**
 Trung đội trưởng An ninh, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: 1H 085 cm Quyết định số: 1004/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 389 Liệt sĩ: **CAO ĐÀI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 6 năm 1950
 Số bằng: 1NC 863bp Quyết định số: 1269/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1978
- 390 Liệt sĩ: **PHẠM CHÂU (MƯỜN)**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: 1Q 694 bm Quyết định số: 1108/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 391 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU PHƯỚC**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Ân Đông, thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1964
 Số bằng: 5L 881 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1978
- 392 Liệt sĩ: **DƯƠNG THỊ DÈ**
 Giao liên xã, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1973
 Số bằng: 1T 022 cm Quyết định số: 1494/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 393 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ANH**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1973
 Số bằng: ĐR 326 cm Quyết định số: 478/TTg ngày 02 tháng 6 năm 1998
- 394 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐÔNG**
 Đấu tranh chính trị, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1964
 Số bằng: 1S 929 cm Quyết định số: 1493/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 395 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Ân Tây, thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1974
 Số bằng: 5H 216 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1978
- 396 Liệt sĩ: **ĐINH BƯỜNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 01 năm 1963
 Số bằng: 4P 788 bm Quyết định số: 107/TTga ngày 13 tháng 02 năm 1978
- 397 Liệt sĩ: **ĐINH QUÂN**
 Phó Bí thư xã ủy, Nguyên quán: xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: 2I 424 cm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978

- 398 Liệt sĩ: **VÕ THỊ HÀO**
 Công dân, Nguyên quán: xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
 Số bằng: A 731 cm Quyết định số: 280/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982
- 399 Liệt sĩ: **HUỖNH MAI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1965
 Số bằng: 4U 602 bm Quyết định số: 332/TTGa ngày 06 tháng 4 năm 1978
- 400 Liệt sĩ: **HUỖNH CHO**
 Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1970
 Số bằng: 3Z 713 cm Quyết định số: 517/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1979
- 401 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÌM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1970
 Số bằng: 1U 717 bm Quyết định số: 936/TTGa ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 402 Liệt sĩ: **DIỆP THÀNH VƯƠNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 2H 889 km Quyết định số: 225/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 403 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TRI**
 Cán bộ Nông hội, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: ĐA 594 cm Quyết định số: 459/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1996
- 404 Liệt sĩ: **LÊ DÂN**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 6S 421 bm Quyết định số: 1108/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 405 Liệt sĩ: **LÊ TUẤN VÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1967
 Số bằng: 5O 089 bm Quyết định số: 560/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 406 Liệt sĩ: **TIÊU THỊ MẠI**
 Nhân viên trạm xá, Nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1970
 Số bằng: DC 057 cm Quyết định số: 59/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 407 Liệt sĩ: **HỒ ANH NHẠN**
 Cán bộ H89, Nguyên quán: xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: 4L 165 cm Quyết định số: 633/TTGa ngày 26 tháng 9 năm 1980

- 408 Liệt sĩ: **TRẦN ANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EK 539 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 409 Liệt sĩ: **NGUYỄN DỤ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 5H 123 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1978
- 410 Liệt sĩ: **BÙI MAI SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1953
Số bằng: IPC 309 bp Quyết định số: 1385/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978
- 411 Liệt sĩ: **DƯƠNG DONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 1X 329 bm Quyết định số: 966/TTga ngày 05 tháng 9 năm 1977
- 412 Liệt sĩ: **TRẦN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1955
Số bằng: T 333 bm Quyết định số: 423/CTKT ngày 21 tháng 11 năm 1983
- 413 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN ĐẠT**
An ninh xóm, Nguyên quán: xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1965
Số bằng: YT 539 bm Quyết định số: 498/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1977
- 414 Liệt sĩ: **TRỊNH NGO**
Nhân dân trụ bám, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 02 năm 1969
Số bằng: YM 508 cm Quyết định số: 774/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 415 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẠNH**
Cán bộ Nông hội thôn, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: BM 675 cm Quyết định số: 187/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987
- 416 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PM 793 km Quyết định số: 813/TTga ngày 03 tháng 8 năm 1977
- 417 Liệt sĩ: **ĐINH DUY MẠO**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 12 năm 1949
Số bằng: P 490 cp Quyết định số: 535/CTKT ngày 05 tháng 10 năm 1983

- 418 **Liệt sĩ: TÔN THẮNG**
Cán bộ Nông hội xã, Nguyên quán: xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: PM 045 cm Quyết định số: 490/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1977
- 419 **Liệt sĩ: NGUYỄN NE**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 7P 311 bm Quyết định số: 1456/TTGa ngày 20 tháng 12 năm 1978
- 420 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THƯ**
Công an vũ trang, Nguyên quán: xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 2L 157 cm Quyết định số: 264/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 421 **Liệt sĩ: TRẦN ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 7D 003 bm Quyết định số: 1418/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 422 **Liệt sĩ: PHẠM XUÂN HIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3P 542 bm Quyết định số: 1547/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 423 **Liệt sĩ: PHẠM THỊ KHA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ĐA 757 km Quyết định số: 459/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1996
- 424 **Liệt sĩ: HUỖNH LUYỆN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 5L 824 bm Quyết định số: 452/TTGa ngày 08 tháng 02 năm 1978
- 425 **Liệt sĩ: HUỖNH TẤN SINH**
Cán bộ Thông tin huyện, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 2T 630 cm Quyết định số: 480/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 426 **Liệt sĩ: HUỖNH TẤN VỆ**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3U 283 km Quyết định số: 131/TTGa ngày 27 tháng 02 năm 1980
- 427 **Liệt sĩ: HUỖNH TẤN TUẤN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 01 năm 1970
Số bằng: 5M 462 bm Quyết định số: 505/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978

- 428 Liệt sĩ: **LÊ THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9G 186 bt Quyết định số: 889/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 429 Liệt sĩ: **VÕ NỜ**
Công an vũ trang, Nguyên quán: xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2L 220 cm Quyết định số: 264/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 430 Liệt sĩ: **PHẠM DẦU**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 1A 132 bm Quyết định số: 227 /TTGa ngày 13 tháng 3 năm 1978
- 431 Liệt sĩ: **PHẠM QUÁNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1953
Số bằng: 1NC 102bp Quyết định số: 1153/TTGa ngày 09 tháng 10 năm 1978
- 432 Liệt sĩ: **PHẠM LÃNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1965
Số bằng: 5M 348 bm Quyết định số: 505/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 433 Liệt sĩ: **PHẠM PHÒNG**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 2H 768 km Quyết định số: 202/TTGa ngày 03 tháng 3 năm 1978
- 434 Liệt sĩ: **PHẠM DUNG**
Cán bộ công binh xã, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 391 km Quyết định số: 73/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 435 Liệt sĩ: **PHẠM KẾ**
Công an xã, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2I 566 km Quyết định số: 120/TTGa ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 436 Liệt sĩ: **PHẠM CHUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2I 346 km Quyết định số: 158/TTGa ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 437 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN NHỊ**
Công binh xã, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1968
Số bằng: Y 853 cm Quyết định số: 98/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984

- 438 **Liệt sĩ: PHAN MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 4H 391 bm Quyết định số: 80/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1978
- 439 **Liệt sĩ: PHẠM TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 4L 267 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 440 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH LÂM**
Bí thư xã ủy, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 2T 418 cm Quyết định số: 588/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1978
- 441 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 1Q 846 km Quyết định số: 1426/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 442 **Liệt sĩ: LÂM HỘI**
Tổ trưởng Nông hội, Nguyên quán: xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 3M 978 cm Quyết định số: 1254/TTga ngày 03 tháng 11 năm 1978
- 443 **Liệt sĩ: PHẠM TIẾN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 5L 925 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1978
- 444 **Liệt sĩ: TÔN THẤT THỮ**
Nông hội thôn, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1R 846 cm Quyết định số: 1766/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1977
- 445 **Liệt sĩ: LÂM GIỚI**
An ninh xã, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1S 679 cm Quyết định số: 1722/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 446 **Liệt sĩ: PHÙNG XẾP**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 6N 065 bm Quyết định số: 977/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 447 **Liệt sĩ: PHÙNG THÁI SƠN**
Đội Thiếu niên tiền phong, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1R 811 cm Quyết định số: 1423/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 448 Liệt sĩ: **VUONG VĂN MINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3K 805 km Quyết định số: 1430/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 449 Liệt sĩ: **HUỖNH PHỤNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 3B 211 km Quyết định số: 977/TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 450 Liệt sĩ: **HUỖNH LỢI**
Trình sát xã đội, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 2Q 197 km Quyết định số: 478/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 451 Liệt sĩ: **PHÙNG HƠN**
Trưởng Công an xã, Nguyên quán: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1B 169 cm Quyết định số: 865/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1977
- 452 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỚI**
Sơ cấp 2 văn phòng, Nguyên quán: xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 1R 964 cm Quyết định số: 1440/TTGa ngày 04 tháng 11 năm 1977
- 453 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIN**
Trưởng Ban Thông tin thôn, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1Đ 227 cm Quyết định số: 899/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 454 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐƯƠNG**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 1A 993 cm Quyết định số: 889/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 455 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC SỬ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 9U 796 bm Quyết định số: 598/TTGa ngày 05 tháng 9 năm 1980
- 456 Liệt sĩ: **HỒ SÁU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 2E 094 bm Quyết định số: 1112/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 457 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TRAI**
Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 1E 890 km Quyết định số: 1112/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1977

- 458 **Liệt sĩ: TRẦN CHỚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 2B 800 bm Quyết định số: 1108/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 459 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6L 686 bm Quyết định số: 980/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1978
- 460 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHÚT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 1E 495 km Quyết định số: 1108 /TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 461 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỬ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3G 565 bm Quyết định số: 1641/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1977
- 462 **Liệt sĩ: TRẦN MẬU**
Nhân dân, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 2I 399 cm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978
- 463 **Liệt sĩ: TRẦN HÓA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 2A 320 km Quyết định số: 172/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 464 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ SAO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 2A 219 km Quyết định số: 217/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 465 **Liệt sĩ: LÊ TRỌNG ĐƠN**
Dân bám trụ, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1967
Số bằng: BQ 398 cm Quyết định số: 89/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1988
- 466 **Liệt sĩ: ĐẶNG ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 1N 137 km Quyết định số: 1360/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 467 **Liệt sĩ: LÊ THẢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 3G 557 bm Quyết định số: 1641/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1977

- 468 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phô Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 4 năm 1984
Số bằng: BĐ 524 bt Quyết định số: 156/CTKT ngày 04 tháng 6 năm 1986
- 469 Liệt sĩ: **ĐỖ NHƯỜNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1N 181 km Quyết định số: 1329/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 470 Liệt sĩ: **NGUYỄN HIỀN**
Phó Ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1964
Số bằng: CN 274 cm Quyết định số: 62 CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 471 Liệt sĩ: **MAI CHIÊM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 7E 798 bm Quyết định số: 1350/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 472 Liệt sĩ: **ĐINH DÀ RIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1972
Số bằng: AY 722 km Quyết định số: 459/TTga ngày 04 tháng 12 năm 1985
- 473 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NY**
Cán bộ Bình vận xã, Nguyên quán: xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EL 337 cm Quyết định số: 133/TTg ngày 11 tháng 2 năm 2001
- 474 Liệt sĩ: **CAO ĐỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 9A 706 bm Quyết định số: 831/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979
- 475 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TRỊNH**
Cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: DO 469 cm Quyết định số: 15/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1995
- 476 Liệt sĩ: **PHAN DŨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1964
Số bằng: QM 162 km Quyết định số: 784/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1977
- 477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1T 107 km Quyết định số: 1504/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 478 Liệt sĩ: **TỪ QUANG TRUNG**
 Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: 2Q 228 km Quyết định số: 478/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 479 Liệt sĩ: **ĐẶNG SƠN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
 Số bằng: 2H 437 km Quyết định số: 73/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1978
- 480 Liệt sĩ: **ĐẶNG VÀNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 2I 477 km Quyết định số: 120/TTGa ngày 15 tháng 2 năm 1978
- 481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAY**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: DY 223 km Quyết định số: 116/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1996
- 482 Liệt sĩ: **VÕ LUẬT**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
 Số bằng: 3I 982 km Quyết định số: 1329/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 483 Liệt sĩ: **PHAN THÚ**
 Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: 2Q 392 km Quyết định số: 506/TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 484 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ LỘC**
 Dân công, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1966
 Số bằng: 1R 812 cm Quyết định số: 174/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 485 Liệt sĩ: **NGUYỄN LUÔN**
 Đội công tác xã, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1962
 Số bằng: 1R 178 cm Quyết định số: 1767/TTGa ngày 23 tháng 12 năm 1977
- 486 Liệt sĩ: **BÙI VIỆT**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 2H 897 km Quyết định số: 225/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 487 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LÊ**
 Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, Nguyên quán: xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966
 Số bằng: EL 330 cm Quyết định số: 133/TTg ngày 11 tháng 02 năm 2001

TỈNH HÀ NAM

- 1 Liệt sĩ: **CHU VĂN BẢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OH 183 bm Quyết định số: 556/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1974
- 2 Liệt sĩ: **HÀ VĂN VÓNG**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1950
Số bằng: SC 652 kp Quyết định số: 68/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 3 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: IM 150 bm Quyết định số: 734/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 4 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU CẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1972
Số bằng: NA 127 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974
- 5 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BAO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XY 899 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 6 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC GIAO**
Phó Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1951
Số bằng: ZA 1,526bp Quyết định số: 074/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 7 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HN 935 bm Quyết định số: 500/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 8 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1967
Số bằng: LM 533 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1968
- 9 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC MÙI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973
Số bằng: PI 323 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1975
- 10 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC CỰ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1953
Số bằng: ZB 1,539 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959

- 11 **Liệt sĩ: BÙI TRUNG THU**
Đại đội phó Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CM 159 cm Quyết định số: 71/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1969
- 12 **Liệt sĩ: CAO NGỌC CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PY 305 bm Quyết định số: 408/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1975
- 13 **Liệt sĩ: TRỊNH VĂN THẮNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1949
Số bằng: ĐC 784 bp Quyết định số: 140/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972
- 14 **Liệt sĩ: TRƯƠNG DUY**
Chủ nhiệm pháo binh sư đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1967
Số bằng: CK 309 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 15 **Liệt sĩ: MAI VĂN TRỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ZM 524 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 16 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ NHỎ**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 7 năm 1952
Số bằng: ZA 1,442cp Quyết định số: 002/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 17 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC TOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1967
Số bằng: UA 262 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 09 tháng 3 năm 1977
- 18 **Liệt sĩ: ĐOÀN VĂN VINH**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HR 925 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 19 **Liệt sĩ: TRẦN ĐÌNH THI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 8 năm 1966
Số bằng: ĐQ 665 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1972
- 20 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DÃ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: ĐC 802 bp Quyết định số: 140/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

- 21 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1972
Số bằng: SI 600 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 22 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HUYNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1971
Số bằng: UH 145 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1977
- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1974
Số bằng: PB 135 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1975
- 24 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 01 năm 1971
Số bằng: TV 318 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977
- 25 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PD 505 bm Quyết định số: 312/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1975
- 26 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Y 580 bm Quyết định số: 714/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 27 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MANG**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 10 năm 1951
Số bằng: YZ 161 kp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 28 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MỜ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1973
Số bằng: TH 010 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1977
- 29 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DẬU**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1969
Số bằng: TĐ 357 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977
- 30 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÃNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: OG 147 bm Quyết định số: 555/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1974

- 31 Liệt sĩ: **LẠI VĂN ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BK 762 bm Quyết định số: 65/TTGa ngày 22 tháng 02 năm 1972
- 32 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: TV 841 bm Quyết định số: 85/TTGa ngày 08 tháng 02 năm 1974
- 33 Liệt sĩ: **LÊ ANH NAM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: TS 452 bm Quyết định số: 72/TTGa ngày 01 tháng 02 năm 1977
- 34 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 3 năm 1947
Số bằng: XG 378 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1958
- 35 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZL 987 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958
- 36 Liệt sĩ: **LÊ QUANG VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: OA 265 bm Quyết định số: 553/TTGa ngày 07 tháng 11 năm 1974
- 37 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1970
Số bằng: GT 481 bm Quyết định số: 407/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1973
- 38 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồi Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZB 010 bp Quyết định số: 136/TTg ngày 04 tháng 4 năm 1957
- 39 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Châu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1970
Số bằng: GT 516 bm Quyết định số: 407/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1973
- 40 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN Y**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZQ 1,767 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959

- 41 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH CÔNG**
 Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 8Y 781 bt Quyết định số: 757/TTga ngày 31 tháng 10 năm 1979
- 42 Liệt sĩ: **NGÔ PHÚC THÀNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1970
 Số bằng: EH 362 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1973
- 43 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIẾP**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: BT 647 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 44 Liệt sĩ: **LẠI NGỌC QUANG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: QK 590 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1976
- 45 Liệt sĩ: **LẠI VĂN CẦU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1966
 Số bằng: BM 408 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1967
- 46 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH THẮNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trắc Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974
 Số bằng: SG 340 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 47 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
 Đội viên cứu hỏa, Nguyên quán: Khu phố 4, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: EM 570 cm Quyết định số: 185/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1970
- 48 Liệt sĩ: **BẠCH MẠNH TÌNH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Hòa, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
 Số bằng: ZB 596 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỨC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lập, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
 Số bằng: ZL 524 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958
- 50 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẬT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: UA 037 bm Quyết định số: 095/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1977

- 51 Liệt sĩ: **BÙI THÔNG NHẤT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1967
Số bằng: ĐV 243 bm Quyết định số: 60/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC MỄ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968
Số bằng: ĐV 219 bm Quyết định số: 60/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1972
- 53 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1970
Số bằng: SH 449 bm Quyết định số: 476/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU VĂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1969
Số bằng: QH 778 bm Quyết định số: 48/TTGa ngày 17 tháng 02 năm 1976
- 55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOA**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1954
Số bằng: ZB 472 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 56 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XD 235 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 04 tháng 01 năm 1958
- 57 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1952
Số bằng: ZP 196 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 58 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN VÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HR 897 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 59 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NHIỀU**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1951
Số bằng: ZA 303 cp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 60 Liệt sĩ: **PHẠM VIỆT THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: RG 654 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

- 61 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC BẢN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VD 564 bm Quyết định số: 304/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 62 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ZM 512 bp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 63 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ĐQ 733 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1972
- 64 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ TÂM**
Dân quân xã, Nguyên quán: xã Lam Hạ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AM 076 cm Quyết định số: 152/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1967
- 65 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CƯỜNG**
Đội phó công ty xây dựng công trình 820, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 1995
Số bằng: DX 268 ct Quyết định số: 770/TTg ngày 30 tháng 11 năm 1995
- 66 Liệt sĩ: **LÂM VĂN THỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Lương Khánh Thiện, tx Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 9 năm 1983
Số bằng: AC 772 bt Quyết định số: 231/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 67 Liệt sĩ: **LÃ XUÂN THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán phường Hùng Lợi, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1967
Số bằng: CM 297 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1968
- 68 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ZC 902 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 69 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
Số bằng: ĐC 750 bp Quyết định số: 140/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972
- 70 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHĨA**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Lợi, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1954
Số bằng: DZ 113 bp Quyết định số: 239/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1962

- 71 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THAO**
Phó trưởng ban chỉ huy công trường, Nguyên quán: xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HM 721 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 72 Liệt sĩ: **LẠI PHÚC TUẦN**
Công nhân ty kiến trúc tỉnh Hà Nam, Nguyên quán: xã Liêm Chung, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1967
Số bằng: HM 748 cm Quyết định số: 290/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 73 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH KHAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tuyền, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ED 838 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 74 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9H 544 bt Quyết định số: 918/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 75 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: số 70, Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 700 bt Quyết định số: 892/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÚNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Hiệp, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1968
Số bằng: CY 287 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1972
- 77 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Hiệp, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 2 năm 1951
Số bằng: BZ 122 bp Quyết định số: 311/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1961
- 78 Liệt sĩ: **PHẠM DUY KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 2 năm 1954
Số bằng: ZP 186 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958
- 79 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: RV 677 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1976
- 80 Liệt sĩ: **LẠI VĂN BẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: EQ 225 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

- 81 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EQ 229 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973
- 82 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1974
Số bằng: RN 780 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976
- 83 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1979
Số bằng: BG 603 bt Quyết định số: 247/CTKT ngày 10 tháng 9 năm 1986
- 84 Liệt sĩ: **ĐỖ THÀNH CÔNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Y 568 bt Quyết định số: 714/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 85 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỨU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,718 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 86 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHAN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UG 454 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1977
- 87 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DOANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MO 801 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1970
- 88 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BIẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1965
Số bằng: SH 832 bm Quyết định số: 471/Ttga ngày 10 tháng 10 năm 1976
- 89 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Vân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1967
Số bằng: OH 272 bm Quyết định số: 556/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1974

- 90 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN THU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BT 517 bm Quyết định số: 95/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 91 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN KẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐC 410 bp Quyết định số: 41/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 92 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1975
Số bằng: RG 617 bm Quyết định số: 236/TTGa ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 93 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THÌN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bằng: SH 402 bm Quyết định số: 476/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 94 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZQ 3,061 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 95 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN MƯU**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 02 năm 1951
Số bằng: ZB 2,122 kp Quyết định số: 32/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1959
- 96 Liệt sĩ: **NHŨ VĂN CHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QA 399 bm Quyết định số: 449/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1975
- 97 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1950
Số bằng: XY 908 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 98 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 12 năm 1947
Số bằng: ZQ 3,481 bp Quyết định số: 353/TTGa ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 99 Liệt sĩ: **LẠI VĂN THÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1968

Số bằng: MM 987 bm Quyết định số: 48/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1969

- 100 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UG 036 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1977
- 101 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT KHANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1968
Số bằng: Mm 791 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1969
- 102 Liệt sĩ: **VŨ CÔNG LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CH 308 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1972
- 103 Liệt sĩ: **VŨ ĐẮC QUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7S 366 bt Quyết định số: 108/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1979
- 104 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CY 240 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 105 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG HUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: SK 429 bm Quyết định số: 470/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 106 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TỬ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MF 789 bm Quyết định số: 84/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1970
- 107 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HUÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
Số bằng: ĐB 541 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 108 Liệt sĩ: **NHIẾP ĐẠI DƯƠNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EB 756 bm Quyết định số: 89/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1973
- 109 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỤY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1975

Số bằng: 3H 683 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1978

110 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI THUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1967

Số bằng: MV 960 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1971

111 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 01 năm 1951

Số bằng: ZM 839 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958

112 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN GIANG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1950

Số bằng: ZM 885 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958

113 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972

Số bằng: UG 378 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1977

114 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC TUYẾT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1954

Số bằng: ZB 1,846 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

115 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1970

Số bằng: CK 370 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

116 Liệt sĩ: **LÊ QUANG TRỰC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1974

Số bằng: QE 914 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1976

117 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRỌNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1952

Số bằng: ZL 576 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958

118 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972

Số bằng: SI 664 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1976

- 119 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC THƯỜNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 9K 531 bt Quyết định số: 54/TTGa ngày 16 tháng 01 năm 1980
- 120 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỰC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 12 năm 1946
 Số bằng: ZQ 3,498 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 121 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐỨC**
 Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1951
 Số bằng: ZA 890 cp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 122 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SÂN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: MV 896 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 01 tháng 02 năm 1971
- 123 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DIỆU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1953
 Số bằng: ZQ 3,600 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 124 Liệt sĩ: **LÊ TRUNG THẮNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: ET 2,665 bm Quyết định số: 151/TTGa ngày 17 tháng 4 năm 1973
- 125 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: RG 720 bm Quyết định số: 236/TTGa ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT THIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1953
 Số bằng: XG 431 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1958
- 127 Liệt sĩ: **LẠI VĂN CUNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1971
 Số bằng: SL 224 bm Quyết định số: 510/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHUYẾN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: RB 331 bm Quyết định số: 198/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1976

- 129 Liệt sĩ: **LẠI VĂN BIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1968
Số bằng: TS 627 bm Quyết định số: 84/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1977
- 130 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: ĐC 412 bp Quyết định số: 41/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8Y 920 bt Quyết định số: 733/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 132 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG QUYẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1967
Số bằng: QM 936 bm Quyết định số: 198/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1969
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẮT VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1968
Số bằng: Mm 792 bm Quyết định số: 3877/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1969
- 134 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ MẬU**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZB 2,113 kp Quyết định số: 329/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1959
- 135 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ XUẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8Z 282 bt Quyết định số: 758/TTga ngày 31 tháng 10 năm 1979
- 136 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ HUÂN**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZB 2,114 bp Quyết định số: 329/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1959
- 137 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 543 bt Quyết định số: 918/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 138 Liệt sĩ: **LẠI XUÂN ÂP**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NK 580 bm Quyết định số: 374/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1974

- 139 **Liệt sĩ: LẠI XUÂN HUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 80 167 bt Quyết định số: 496/TTGa ngày 04 tháng 7 năm 1979
- 140 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHẠNH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1967
Số bằng: Cm 812 bm Quyết định số: 63/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1968
- 141 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1966
Số bằng: MZ 320 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 01 tháng 02 năm 1971
- 142 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHUÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HN 531 bm Quyết định số: 08/TTGa ngày 04 tháng 01 năm 1974
- 143 **Liệt sĩ: CAO ĐỨC LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LV 305 bm Quyết định số: 229/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 144 **Liệt sĩ: VŨ QUANG THANH**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1980
Số bằng: M 318 bt Quyết định số: 180/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1983
- 145 **Liệt sĩ: BÙI TRỌNG MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lưu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐR 022 bm Quyết định số: 02/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1973
- 146 **Liệt sĩ: TRƯƠNG ĐỒ HẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: QN 358 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1976
- 147 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN NGỌC**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CV 962 bm Quyết định số: 408/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1972
- 148 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUỐC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1971

Số bằng: PĐ 753 bm Quyết định số: 318/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1975

- 149 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1974
Số bằng: TS 643 bm Quyết định số: 84/TTGa ngày 08 tháng 02 năm 1977
- 150 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1967
Số bằng: GM 160 bm Quyết định số: 115/TTGa ngày 03 tháng 7 năm 1968
- 151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐR 718 bm Quyết định số: 06/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1973
- 152 Liệt sĩ: **VŨ VĂN KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1950
Số bằng: ZM 050 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958
- 153 Liệt sĩ: **VIÊN VĂN TUẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 6 năm 1950
Số bằng: ZM 891 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958
- 154 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN HUY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Thắng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BM 426bm Quyết định số: 152/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1967
- 155 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: RG 700 bm Quyết định số: 236/TTGa ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 156 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZR 370 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 157 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1974
Số bằng: RG 203 bm Quyết định số: 237/TTGa ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 158 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG CHỮ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 2 năm 1951

Số bằng: YZ 296 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 159 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUẤT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1973
Số bằng: VK 657 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 160 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẬP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1952
Số bằng: ZM 059 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958
- 161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1966
Số bằng: GM 283 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1968
- 162 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LONG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1970
Số bằng: EH 052 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 163 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẬT**
Đội viên du kích, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 01 năm 1950
Số bằng: ZB 228 kp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 164 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN NGHỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QY 677 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 165 Liệt sĩ: **LƯƠNG SƠN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AS 869 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 166 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG TÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SL 119 bm Quyết định số: 479/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 167 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH Y**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 9 năm 1948
Số bằng: ZH 490 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 168 Liệt sĩ: **VU VĂN MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà

- Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1947
Số bằng: ZL 984 bp Quyết định số: 375/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1958
- 169 Liệt sĩ: **VŨ SÁNG TẠO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EH 274 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1973
- 170 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950
Số bằng: ZB 417 bp Quyết định số: 151/TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957
- 171 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1971
Số bằng: ĐT 069 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1973
- 172 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU LỢ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7S 235 bt Quyết định số: 100/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1979
- 173 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: ZA 963 bp Quyết định số: 126/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1957
- 174 Liệt sĩ: **TÔ ĐỨC LONG**
Thương binh 2/4, Nguyên quán: xã Yên Phương, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 2012
Số bằng: HN 376 bt Quyết định số: 2570/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2013
- 175 Liệt sĩ: **TRỊNH THANH BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trác Bút, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SN 161 bm Quyết định số: 581/TTg ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 176 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN CHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chuyên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1971
Số bằng: SH 974 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 177 Liệt sĩ: **KIỀU VIỆT TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1968
Số bằng: UA 281 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 09 tháng 3 năm 1977
- 178 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TRƯỜNG**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1971
Số bằng: CS 879 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

179 Liệt sĩ: **LÊ MINH HÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MV 754 bm Quyết định số: 21/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1971

180 Liệt sĩ: **ĐOÀN QUANG MINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1965
Số bằng: KM 169 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1968

181 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG TÙY**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KS 133 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 14 tháng 02 năm 1974

182 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG MUÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1947
Số bằng: ZP 101 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 02 tháng 12 năm 1958

183 Liệt sĩ: **TRẦN QUÝ THỨC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HR 836 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

184 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ HÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,457 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959

185 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÙI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XY 069 kp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

186 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH SINH**

Đội viên công nhân đá, Nguyên quán: xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1965
Số bằng: IZ 442 cm Quyết định số: 165/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

187 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SK 077 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

- 188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MO 944 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1970
- 189 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ZQ 3,468 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 190 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1968
Số bằng: ĐR 052 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1973
- 191 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1970
Số bằng: SL 974 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 192 Liệt sĩ: **LÃ NGỌC CHỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1971
Số bằng: EB 695 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 193 Liệt sĩ: **LÃ VĂN UY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CS 294 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 194 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH HIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐR 796 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 16 tháng 01 năm 1973
- 195 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH CHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
Số bằng: RO 135 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 196 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀO**
Cán bộ công đoàn, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZB 659 cp Quyết định số: 239/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1962
- 197 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẦU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Tiến, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HN 050 bm Quyết định số: 567/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

- 198 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Tiến, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1984
Số bằng: BC 584 bt Quyết định số: 155/CTKT ngày 06 tháng 01 năm 1986
- 199 Liệt sĩ: **TRẦN HÁN ĐÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Tiến, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: CM 775 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1968
- 200 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU QUÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1973
Số bằng: ST 550 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 01 năm 1977
- 201 Liệt sĩ: **TRẦN SỸ PHÒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Tiến, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: ST 646 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 01 năm 1977
- 202 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1983
Số bằng: AC 738 bt Quyết định số: 23/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 203 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUÂN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Nhân Hưng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1952
Số bằng: ĐN 596 cp Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997
- 204 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHỦ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 469 bp Quyết định số: 20/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1969
- 205 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN VĨNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1967
Số bằng: RG 209 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 206 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỶ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hưng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 6 năm 1950
Số bằng: ZA 939 bp Quyết định số: 126/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1957
- 207 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1968

- Số bảng: UG 345 bm Quyết định số: 114/TTGa ngày 04 tháng 3 năm 1977
- 208 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHUẬN**
Nhân viên Ban xây dựng 64, Nguyên quán: xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 11 năm 1966
Số bảng: EM 047 cm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG KIỂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 11 năm 1979
Số bảng: 7AA 186 bt Quyết định số: 49/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981
- 210 Liệt sĩ: **TRẦN HUY VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1968
Số bảng: TV 503 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 08 tháng 02 năm 1977
- 211 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN PHỤNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1949
Số bảng: ZB 1,559 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 212 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THOẠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1972
Số bảng: TY 369 bm Quyết định số: 29/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 213 Liệt sĩ: **PHẠM MẠNH LÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1950
Số bảng: XY 173 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 214 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN UẨN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bảng: LV 259 bm Quyết định số: 229/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 215 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ANH**
Y tá trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bảng: ĐC 382 bp Quyết định số: 41/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 216 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bảng: HO 336 bm Quyết định số: 04/TTGa ngày 03 tháng 01 năm 1974
- 217 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã

- hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1974
Số bằng: VP 698 bm Quyết định số: 302/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỊCH**
Công nhân lái xe, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BM 261 cm Quyết định số: 235/TTGa ngày 17 tháng 12 năm 1968
- 219 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: DZ 064 bp Quyết định số: 239/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1962
- 220 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH CHÀ**
Trung úy Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1969
Số bằng: ĐM 560 cm Quyết định số: 209/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 221 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN LOÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1974
Số bằng: SI 837 bm Quyết định số: 29/TTGa ngày 11 tháng 01 năm 1977
- 222 Liệt sĩ: **TRẦN THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1973
Số bằng: SK 045 bm Quyết định số: 473/TTGa ngày 11 tháng 01 năm 1976
- 223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZL 999 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958
- 224 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG Y**
Công dân xã, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ZA 895 cp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 225 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN NGHỊ**
Công nhân lâm trường, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 4K 398 ct Quyết định số: 411/TTGa ngày 04 tháng 6 năm 1980
- 226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 5 năm 1951
Số bằng: XB 164 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 227 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ THÍNH**

Công nhân lâm trường, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 4K 443 ct Quyết định số: 411/TTGa ngày 04 tháng 6 năm 1980

228 Liệt sĩ: **TRINH NGỌC TRÀO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1969
Số bằng: CY 382 bm Quyết định số: 415/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1972

229 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THÌN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1971
Số bằng: GX 903 bm Quyết định số: 395/TTGa ngày 08 tháng 9 năm 1973

230 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XB 270 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

231 Liệt sĩ: **PHÙNG XUÂN SỬ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1972
Số bằng: NL 198 bm Quyết định số: 360/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974

232 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Long, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AV 168 bm Quyết định số: 242/TTGa ngày 08 tháng 10 năm 1971

233 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐP 920 bm Quyết định số: 06/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1973

234 Liệt sĩ: **TRẦN NHƯ PHÁN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XB 205 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỀU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: ZQ 3,478 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959

236 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NGHIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 02 năm 1952
Số bằng: ZM 095 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

- 237 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC BIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZA 877 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1957
- 238 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1971
Số bằng: HR 086 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 239 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 5 năm 1977
Số bằng: 5G 107 bt Quyết định số: 480/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1978
- 240 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ZC 867 kp Quyết định số: 239/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1962
- 241 Liệt sĩ: **LƯU VĂN DƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1954
Số bằng: ZB 2,928 kp Quyết định số: 02/TTg ngày 01 tháng 5 năm 1974
- 242 Liệt sĩ: **TRƯƠNG BÁCH TRÙ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ZC 868 kp Quyết định số: 239/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1962
- 243 Liệt sĩ: **HÒ TUYÊN HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1971
Số bằng: TH 268 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977
- 244 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ SÀNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: DZ 076 bp Quyết định số: 239/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1962
- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỎA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1967
Số bằng: BT 539 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 246 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XD 070 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 03 tháng 3 năm 1958

- 247 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: AS 837 bm Quyết định số: 266/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 248 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VỨC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 01 năm 1954
 Số bằng: XC 550 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 01 tháng 02 năm 1958
- 249 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: BK 881 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1972
- 250 **Liệt sĩ: VŨ VĂN PHƯƠNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 02 năm 1981
 Số bằng: BR 983 bt Quyết định số: 276/CTKT ngày 14 tháng 12 năm 1987
- 251 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN NHẠN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 6 năm 1946
 Số bằng: DX 422 bp Quyết định số: 841/TTg ngày 21 tháng 12 năm 1995
- 252 **Liệt sĩ: TRỊNH ĐÌNH VƯỢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: SM 792 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 253 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THỨ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: MM 574 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1969
- 254 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN HỨA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1953
 Số bằng: XD 085 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 03 tháng 3 năm 1958
- 255 **Liệt sĩ: VŨ VĂN DUNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: HQ 490 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973
- 256 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DỤ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chân Hồng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1968

Số bằng: TI 617 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

- 257 Liệt sĩ: **PHẠM THANH HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1968
Số bằng: LM 505 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 258 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1968
Số bằng: EB 673 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 259 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1968
Số bằng: SI 828 bm Quyết định số: 29/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1977
- 260 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN CHUÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1966
Số bằng: ZM 379 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1967
- 261 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CY 059 bm Quyết định số: 379/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1972
- 262 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZM 895 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958
- 263 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1969
Số bằng: TH 196 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977
- 264 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH KHÁU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BM 383 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1967
- 265 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LỘNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LH 293 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 266 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phú, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà

- Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: IZ 272 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966
- 267 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THUYẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1967
Số bằng: QA 481 bm Quyết định số: 450/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1975
- 268 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VƯỢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9I 090 bt Quyết định số: 919/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 269 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1971
Số bằng: BN 986 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 270 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1947
Số bằng: BZ 128 bp Quyết định số: 311/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1961
- 271 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1983
Số bằng: AK 357 bt Quyết định số: 365/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 272 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1948
Số bằng: 2B 159 kp Quyết định số: 329/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1959
- 273 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ DỊU**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nhân Phú, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AM 624 cm Quyết định số: 94/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1968
- 274 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG KHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PI 361 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1975
- 275 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZB 034 bp Quyết định số: 136/TTg ngày 04 tháng 4 năm 1957
- 276 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẠY**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BL 027 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 277 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LS 456 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 278 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: PD 546 bm Quyết định số: 312/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1975
- 279 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZB 037 bp Quyết định số: 036/TTg ngày 04 tháng 4 năm 1957
- 280 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY QUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐR 854 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1973
- 281 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐÀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1965
Số bằng: ĐĐ 591 bm Quyết định số: 312/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1975
- 282 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH NHỎ**
Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EH 148 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 283 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 10 năm 1969
Số bằng: ĐV 346 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973
- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NGUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: GM 279 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1968
- 285 Liệt sĩ: **LẠI HỮU THỊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tiến, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZL 421 bp Quyết định số: 238/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

- 286 **Liệt sĩ: LÊ VĂN LAM**
 Du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc
 kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 01 năm 1951
 Số bằng: YZ 054 kp Quyết định số: 125/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1957
- 287 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ VINH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: SO 058 bm Quyết định số: 043/TTg ngày 19 tháng 01 năm 1977
- 288 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH RỒNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: SK 359 bm Quyết định số: 575/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1976
- 289 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1960
 Số bằng: BN 722 bm Quyết định số: 85/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1972
- 290 **Liệt sĩ: NGÔ ĐỨC CHÍNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1971
 Số bằng: LP 393 bm Quyết định số: 175/TTg ngày 20 tháng 4 năm 1974
- 291 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUẬN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1970
 Số bằng: BL 093 bm Quyết định số: 37/TTg ngày 27 tháng 01 năm 1972
- 292 **Liệt sĩ: NGUYỄN KIM HOAN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,
 đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1946
 Số bằng: XC 475 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 01 tháng 02 năm 1958
- 293 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC NHI**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: IZ 250 bm Quyết định số: 132/TTg ngày 15 tháng 9 năm 1966
- 294 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TUNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: BN 924 bm Quyết định số: 95/TTg ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 295 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ DÙI**
 Bí thư phụ nữ xã, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc
 kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1952
 Số bằng: ZA 790 cp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959

- 296 Liệt sĩ: **ĐINH NHƯ VÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968
Số bằng: OP 266 bm Quyết định số: 12/TTGa ngày 10 tháng 01 năm 1975
- 297 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CÚC**
Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 6 năm 1950
Số bằng: ZL 570 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958
- 298 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỈNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AQ 126 bm Quyết định số: 108/TTGa ngày 08 tháng 5 năm 1971
- 299 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHOÁN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: SI 467 bm Quyết định số: 472/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 300 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1971
Số bằng: LP 187 bm Quyết định số: 169/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1974
- 301 Liệt sĩ: **ĐINH NHƯ QUÊ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1971
Số bằng: HN 956 bm Quyết định số: 500/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 302 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỪ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1969
Số bằng: VQ 359 bm Quyết định số: 293/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 303 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HQ 649 bm Quyết định số: 446/TTGa ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 304 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỐT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZL 607 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958
- 305 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH AI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 8 năm 1969

Số bằng: ĐV 001 bm Quyết định số: 54/TTGa ngày 21 tháng 2 năm 1973

- 306 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AU 225 bm Quyết định số: 207/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 307 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OA 342 bm Quyết định số: 553/TTGa ngày 07 tháng 11 năm 1974
- 308 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SI 468 bm Quyết định số: 472/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976
- 309 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRUNG DU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HE 120 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 08 tháng 01 năm 1974
- 310 Liệt sĩ: **PHẠM NGŨ TOÁN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZB 241 kp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 311 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Y 777 bm Quyết định số: 791/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 312 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 01 năm 1953
Số bằng: ZB 1,567 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 313 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZQ 3,170 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 314 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: QE 039 bm Quyết định số: 498/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1975
- 315 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGHINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1971
Số bằng: LP 449 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974

- 316 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 2 năm 1968
Số bằng: CK 010 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1972
- 317 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,165 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 318 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1967
Số bằng: TV 374 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977
- 319 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,743 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 320 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỚI KHOA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AU 274 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 321 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÒE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KM 141 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1968
- 322 Liệt sĩ: **ĐOÀN NGỌC SÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 9Z 033 bm Quyết định số: 712/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 323 Liệt sĩ: **ĐOÀN NGỌC THỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: ĐV 416 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1972
- 324 Liệt sĩ: **ĐOÀN NGỌC HIẾU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: ST 839 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977
- 325 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂM**

- Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bằng: BN 976 bm Quyết định số: 95/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 326 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1967
Số bằng: CS 947 bm Quyết định số: 356/TTGa ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 327 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GJ 253 bm Quyết định số: 367/TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1973
- 328 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: SI 772 bp Quyết định số: 29/TTGa ngày 11 tháng 01 năm 1977
- 329 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HQ 553 bm Quyết định số: 444/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1973
- 330 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1974
Số bằng: PV 538 bm Quyết định số: 497/TTGa ngày 18 tháng 12 năm 1975
- 331 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÓA**
Tự vệ thành, Nguyên quán: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 11 năm 1948
Số bằng: YZ 403 cp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 332 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1965
Số bằng: IZ 590 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1966
- 333 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHỊ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZM 474 bp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 334 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bò Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968
Số bằng: NA 133 bm Quyết định số: 296/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1974

- 335 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Ấp, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZQ 1,790 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 336 Liệt sĩ: **CHU VĂN KIỀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Ấp, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZM 849 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 03 tháng 11 năm 1958
- 337 Liệt sĩ: **CHU TÂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Ấp, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: KH 238 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1973
- 338 Liệt sĩ: **NGUYỄN LẬP HOẠT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nguyên Bình, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: ZC 836 kp Quyết định số: 239/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1962
- 339 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC BỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Bình, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1966
Số bằng: CS 867 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 340 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT THIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Ấp, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1965
Số bằng: BM 388 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1967
- 341 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT GIỚI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Văn Ấp, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 6 năm 1948
Số bằng: ZB 1,580 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 342 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thành, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZB 152 bp Quyết định số: 135/TTg ngày 04 tháng 4 năm 1957
- 343 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐR 783 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 16 tháng 01 năm 1977
- 344 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN NINH**
Trung đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TS 471 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1977
- 345 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG KHẢI**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam,

- đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1966
Số bằng: CK 054 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 01 tháng 6 năm 1972
- 346 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÙI DUNG**
Thôn đội du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thành, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1951
Số bằng: YZ 093 kp Quyết định số: 117/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1957
- 347 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC THƠM**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1949
Số bằng: ZB 239 kp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 348 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐĂNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên Quán: xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1971
Số bằng: TI 724 bm Quyết định số: 144/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HN 556 bm Quyết định số: 288/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1974
- 350 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUÔNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Lại, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 01 năm 1954
Số bằng: ZH 492 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 351 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiêu động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NL 885 bm Quyết định số: 427/TTGa ngày 22 tháng 8 năm 1974
- 352 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**
Giao thông viên, Nguyên quán: xã Tiêu động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZA 212 cp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958
- 353 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG LÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968
Số bằng: ĐR 863 bm Quyết định số: 08/TTGa ngày 16 tháng 01 năm 1973
- 354 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÍNH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1949
Số bằng: YZ 078 kp Quyết định số: 117/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1957
- 355 Liệt sĩ: **LÊ HỮU KIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1966
Số bằng: EB 857 bm Quyết định số: 89/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1973

- 356 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1974
Số bằng: SN 201 bm Quyết định số: 581/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 357 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TIÊM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1966
Số bằng: EH 286 bm Quyết định số: 123/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1973
- 358 Liệt sĩ: **TRẦN NHƯ AN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TĐ 192 bm Quyết định số: 584/TTga ngày 31 tháng 10 năm 1976
- 359 Liệt sĩ: **TRẦN DUYG CƠ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QN 300 bm Quyết định số: 098/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1976
- 360 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG TÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1965
Số bằng: EH 308 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1976
- 361 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC CHẠC**
Tiểu đội phó cảnh vệ, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZA 1,015 cp Quyết định số: 329/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1959
- 362 Liệt sĩ: **NGHIÊM XUÂN NGHÊNH**
Công nhân công trường 12 ban 67, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KM 927 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973
- 363 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGUYỄN**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952
Số bằng: YZ 112 kp Quyết định số: 117/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1957
- 364 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1967
Số bằng: UA 262 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 09 tháng 3 năm 1977
- 365 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHỰ**
Công nhân Cục công trình 2, Bộ Giao thông Vận tải, Nguyên quán: xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1966
Số bằng: ĐM 165 cm Quyết định số: 189/TTga ngày 05 tháng 11 năm 1969

TỈNH VĨNH PHÚC

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LOAN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XY 821 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958
- 2 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XD 510 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 3 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khê, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ER 750 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1973
- 4 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 5 năm 1950
Số bằng: XD 500 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 5 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 093 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1974
- 6 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1967
Số bằng: bm 652 bm Quyết định số: 154/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1967
- 7 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XD 540 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 8 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN RÉCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AO 700 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 9 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LP 609 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 10 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG LẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh

Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1973
Số bằng: OL 156 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

- 11 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ZC 559 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 12 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÚC**
Thôn đội trưởng Du kích, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XH 212 kp Quyết định số: 074/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 13 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: XL 060 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 14 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Đội viên tự vệ, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1945
Số bằng: XY 826 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958
- 15 Liệt sĩ: **KIM VĂN ĐỀ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1949
Số bằng: XY 828 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958
- 16 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỊCH**
Cán bộ thanh niên xã, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 2,125 cp Quyết định số: 074/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 17 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TỬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XL 082 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 18 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XH 231 kp Quyết định số: 074/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 19 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỘ**
Chiến sĩ bộ đội địa phương, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 12 năm 1949
Số bằng: ZC 542 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 20 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MÃO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LS 012 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1974
- 21 Liệt sĩ: **PHAN CAO GẮC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1969
Số bằng: YK 077 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1968
Số bằng: GP 990 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 23 Liệt sĩ: **PHẠM TUÂN CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: LM 956 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 24 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC XUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LD 690 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 25 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỮU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1974
Số bằng: RO 653 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 26 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1966
Số bằng: SK 934 bm Quyết định số: 514/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 27 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 10 năm 1987
Số bằng: CG 612 bt Quyết định số: 142/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989
- 28 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BS 043 bt Quyết định số: 277/CTKT ngày 14 tháng 11 năm 1987
- 29 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 6 năm 1957
Số bằng: XL 309 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958

- 30 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ VỪA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AO 584 bm Quyết định số: 133/TTg ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 31 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TUYẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: YG 184 bm Quyết định số: 371/TTg ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 32 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐIỀU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bộ Lĩnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1951
Số bằng: ZF 961 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 33 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XẠ**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Bá Lĩnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XK 966 kp Quyết định số: 53/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961
- 34 Liệt sĩ: **CAO ĐẮC TÝ**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XL 379 kp Quyết định số: 150/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 35 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1957
Số bằng: bm 123 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 22 tháng 6 năm 1967
- 36 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HÌNH**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1950
Số bằng: XB 263 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 37 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÙNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1955
Số bằng: XH 793 km Quyết định số: 228/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1960
- 38 Liệt sĩ: **CHU VĂN QUYẾT**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1949
Số bằng: XH 794 kp Quyết định số: 228/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1960
- 39 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KHÓA**

Xã đội phó du kích , Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XD 791 kp Quyết định số: 353/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1959

- 40 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AO 479 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 41 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIẢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1974
Số bằng: TB 178 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 42 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 8 năm 1948
Số bằng: GX 884 bp Quyết định số: 150/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 43 Liệt sĩ: **NGÔ QUỐC THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: OL 086 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 44 Liệt sĩ: **NGÔ THÁI LỘ**
Cán bộ văn phòng xã, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XA 1,388 cp Quyết định số: 353/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1959
- 45 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XC 179 bp Quyết định số: 019/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1958
- 46 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GR 661 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 47 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KG 405 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974
- 48 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1951

Số bằng: XC 399 bp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958

- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ZB 773 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 50 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZB 771 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 51 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZB 770 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 52 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XA 916 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 53 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TỨ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Xuân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZA 914 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1968
Số bằng: LM 942 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 55 Liệt sĩ: **HÀ VĂN GIỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XY 325 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 56 Liệt sĩ: **KHÔNG VĂN ĐƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: XQ 4,941 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1959
- 57 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZB 763 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 58 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TẢ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1950
 Số bằng: XQ 3,754 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1959
- 59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
 Số bằng: XA 932 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 60 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIỆT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
 Số bằng: XX 394 bp Quyết định số: 112/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1960
- 61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
 Số bằng: XY 282 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 62 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoàn Kết, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
 Số bằng: ZF 299 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 63 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỢI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoàn Kết, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
 Số bằng: XR 679 bp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 64 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯỜNG**
 Du kích xã, Nguyên quán: xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
 Số bằng: XY 555 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 65 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÊ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: bm
- 66 Liệt sĩ: **KIM VĂN HÀM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: CE 964 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 67 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẬU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà

Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1970
Số bằng: bm

68 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẬU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1970
Số bằng: BB 651 bm Quyết định số: 287/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1971

69 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUẤT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
Số bằng: bm

70 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CƯỜI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LQ 653 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

71 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XA 3,287 kp Quyết định số: 53/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961

72 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC AN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1969
Số bằng: CB 027 bm Quyết định số: 123/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

73 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN ĐANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XC 173 bp Quyết định số: 019/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1958

74 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NỞ**

Cán bộ Hội đồng quân đội F308 Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1949. Số bằng: HX 381 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

75 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÌNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GS 864 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

76 Liệt sĩ: **HÀN VĂN HÒ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1973
Số bằng: QL 878 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

- 77 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AO 420 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 78 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AM 354 bm Quyết định số: 061/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1967
- 79 Liệt sĩ: **HÀ MINH HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HD 269 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973
- 80 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MV 230 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970
- 81 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MV 050 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1970
- 82 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TRUY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RE 207 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976
- 83 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY HỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1953
Số bằng: HX 336 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 84 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1968
Số bằng: YI 263 bm Quyết định số: 370/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 85 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRỌNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MV 067 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1970
- 86 Liệt sĩ: **HÀN VĂN NGŨ**

- Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1971
Số bằng: VK 382 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 87 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1967
Số bằng: PT 399 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975
- 88 Liệt sĩ: **HÀ MINH TRỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1970
Số bằng: H 2,639 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 89 Liệt sĩ: **HÀ QUỐC Ý**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: H 2,631 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 90 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1969
Số bằng: H 1,760 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 91 Liệt sĩ: **DƯƠNG THẾ LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1970
Số bằng: H 1,888 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 92 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: H 1,892 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐỒ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1969
Số bằng: HD 050 bm Quyết định số: 396/TTg ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 94 Liệt sĩ: **PHAN HỒNG PHÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Tứ Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: H 1,992 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 95 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Minh, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1950